



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



Bản tin

KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 8/2025



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 7/2025	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	4
2. Dự báo tăng trưởng	9
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	11
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 7/2025	11
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	11
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	11
1.1.2. Xuất nhập khẩu	12
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	13
1.1.4. Hoạt động đầu tư	13
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	14
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	15
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	15
1.2.2. Lãi suất	15
1.2.3. Tỷ giá	17
1.2.4. Chứng khoán	18
1.2.5. Lạm phát	19
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	20
2.1. Về chủ trương, chính sách	20
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	24
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	26
1. Thị trường dầu thô	26
2. Thị trường khí	35
3. Thị trường phân bón	40
4. Thị trường điện	45
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	48
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 7 năm 2025	50



KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 7/2025

1.1. Tổng quan chung

Chỉ số *PMI sản xuất toàn cầu* tháng 7/2025 đạt 49,7 điểm, giảm 0,6 điểm so với tháng 6/2025 (50,3 điểm), xuống dưới mức trung tính lần thứ hai trong 3 tháng qua nhưng tốc độ suy thoái không cao.

Trong tháng 7/2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định khi các tín hiệu tích cực về thương mại bị lu mờ bởi bất ổn địa chính trị và các chính sách thuế quan ngày càng phức tạp. Ngày 27/7, Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) đạt được một thỏa thuận thương mại mang tính bước ngoặt, khép lại nhiều tháng đàm phán căng thẳng và tạm thời ngăn chặn nguy cơ bùng phát một cuộc chiến thương mại giữa hai đồng minh chủ chốt. Tiếp sau đó, ngày 29/7, Mỹ và Trung Quốc cũng đồng thuận gia hạn đình chiến thương mại thêm 90 ngày, giữ nguyên trạng thái hòa hoãn sau khi thỏa thuận tạm thời kết thúc vào ngày 12/8.

Tuy nhiên, làn sóng lạc quan này nhanh chóng bị phủ bóng khi ngày 31/7, Tổng thống Mỹ Donald Trump ký sắc lệnh áp đặt thuế quan mới đối với hàng hóa nhập khẩu từ nhiều quốc gia, với mức thuế dao động từ 10% đến 41%. Khác với công bố ban đầu là ngày 1/8, chính sách này sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 7/8 nhằm dành thời gian cho cơ quan Hải quan Mỹ chuẩn bị và triển khai công tác thu thuế.

Theo danh sách thuế đối ứng này, Syria chịu mức thuế cao nhất là 41%, Lào và Myanmar 40%, Thụy Sĩ 39%, Canada, Iraq và Serbia 35%. Nam Phi, Algeria, Bosnia-và-Herzegovina và Libya sẽ chịu mức 30%. Các nước chịu mức 25%, gồm Kazakhstan, Moldova, Ấn Độ, Brunei và Tunisia. Bangladesh, Sri Lanka, Việt Nam và Đài Loan sẽ cùng chịu mức 20%. Động thái này đã ngay lập tức làm dấy lên lo ngại trong cộng đồng doanh nghiệp toàn cầu, gây biến động mạnh trên thị trường tài chính và gia tăng rủi ro về một cuộc chiến thuế quan lan rộng.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2025

THUẾ ĐỐI ỨNG CỦA MỸ VỚI MỘT SỐ NỀN KINH TẾ

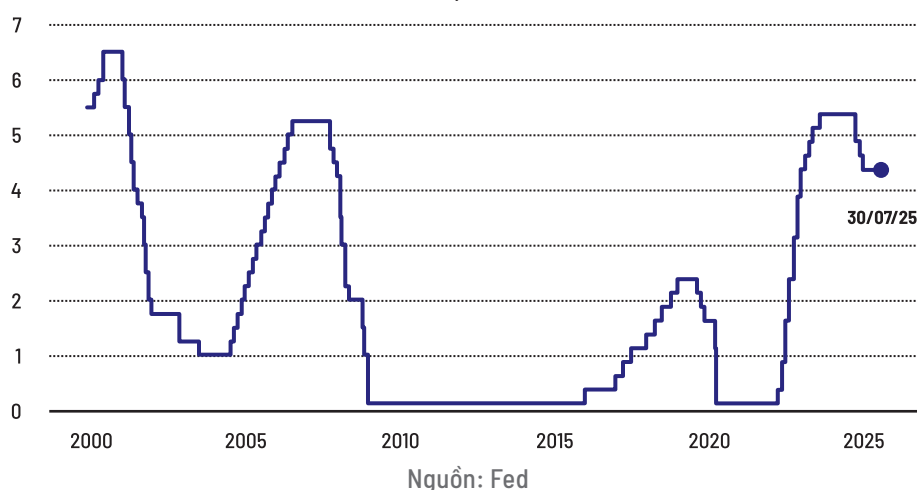
QUỐC GIA/ VÙNG LÃNH THỔ	Mức thuế đối ứng mới	QUỐC GIA/ VÙNG LÃNH THỔ	Mức thuế đối ứng mới	QUỐC GIA/ VÙNG LÃNH THỔ	Mức thuế đối ứng mới
Syria	41%	Afghanistan	15%	Nauru	15%
Lào	40%	Angola	15%	New Zealand	15%
Myanmar	40%	Bolivia	15%	Nigeria	15%
Thụy Sĩ	39%	Botswana	15%	Bắc Macedonia	15%
Iraq	35%	Cameroon	15%	Na Uy	15%
Serbia	35%	Chad	15%	Papua New Guinea	15%
Algeria	30%	Costa Rica	15%	Hàn Quốc	15%
Bosnia & Herzegovina	30%	Cote d'Ivoire	15%	Trinidad & Tobago	15%
Libya	30%	CHDC Congo	15%	Thổ Nhĩ Kỳ	15%
Nam Phi	30%	Ecuador	15%	Uganda	15%
Brunei	25%	Guinea Xích đạo	15%	Vanuatu	15%
Ấn Độ	25%	Fiji	15%	Venezuela	15%
Kazakhstan	25%	Ghana	15%	Zambia	15%
Moldova	25%	Guyana	15%	Zimbabwe	15%
Tunisia	25%	Iceland	15%	Brazil	10%
Bangladesh	20%	Israel	15%	Quần đảo Falklands	10%
Sri Lanka	20%	Nhật Bản	15%	Anh	10%
Đài Loan	20%	Jordan	15%	EU: Hàng hóa với mức thuế suất ở Cột 1 > 15%	0%
Campuchia	19%	Lesotho	15%	EU: Hàng hóa với mức thuế suất ở Cột 1 < 15%	15% trừ mức thuế Cột 1
Indonesia	19%	Liechtenstein	15%		
Malaysia	19%	Madagascar	15%		
Pakistan	19%	Malawi	15%		
Philippines	19%	Mauritius	15%		
Thái Lan	19%	Mozambique	15%		
Nicaragua	18%	Namibia	15%		

Nguồn: The White House

Trong khi đó, trong tháng qua, phần lớn các ngân hàng trung ương lớn vẫn tiếp tục duy trì lập trường thận trọng trong việc điều hành chính sách tiền tệ. Ngày 30/7, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 4,25% - 4,5%, Fed cho rằng cần thêm thời gian để đánh giá tác động thực tế của chính sách thuế mới đối với lạm phát. Đồng quan điểm với Fed, một loạt các ngân hàng trung ương lớn khác như Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ), Ngân hàng Dự trữ New Zealand (RBNZ) và Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS)... cũng quyết định giữ nguyên lãi suất, phản ánh sự dè dặt trước bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều rủi ro tiềm ẩn.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: %



Đáng chú ý, trên thị trường tài chính, hoạt động phát hành trái phiếu bằng đồng euro tăng mạnh tại các nền kinh tế mới nổi. Tính đến ngày 18/7, tổng giá trị huy động đã đạt 89 tỷ euro, trong đó riêng lượng phát hành từ các chính phủ đã vượt tổng mức cả năm 2024. Xu hướng này được thúc đẩy bởi nhu cầu gia tăng đối với tài sản nợ phát hành từ các nước đang phát triển, trong bối cảnh chất lượng tín dụng được cải thiện và ngày càng có sự tham gia mạnh mẽ từ các nhà đầu tư không chuyên biệt.

Ngoài ra, vàng tiếp tục được các nhà đầu tư quốc tế ưu tiên lựa chọn như một tài sản trú ẩn an toàn. Đồng thời, Bitcoin ghi nhận mức tăng trưởng đột biến, lập đỉnh giá mới nhờ sự kỳ vọng vào các chính sách nới lỏng tài khóa và tiền tệ, cũng như những tín hiệu hậu thuẫn từ chính quyền Tổng thống Trump, khiến dòng vốn từ các tổ chức đầu tư lớn chảy mạnh vào đồng tiền điện tử này.

Trong dài hạn, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng khi các vụ tấn công tàu hàng tại Biển Đỏ khiến chi phí bảo hiểm và vận chuyển tăng vọt, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và đẩy chi phí logistics toàn cầu lên cao. Song song với đó, việc Liên minh châu Âu công bố gói trừng phạt thứ 18 nhằm vào Nga vào ngày 18/7, càng làm gia tăng sự phân mảnh của hệ thống kinh tế thế giới. Thêm vào đó, căng thẳng địa chính trị leo thang và các cuộc đàm phán thương mại kéo dài trong bất định tiếp tục gia tăng áp lực lên hoạt động thương mại toàn cầu, trong khi mức nợ công cao tại nhiều nền kinh tế mới nổi đang thu hẹp dư địa tài khóa, làm suy giảm niềm tin thị trường, trì hoãn dòng vốn đầu tư và đặt ra những rào cản lớn đối với quá trình phục hồi kinh tế trong thời gian tới.

Lạm phát toàn cầu đã giảm đáng kể so với mức đỉnh điểm của năm 2022. Tuy nhiên, nó vẫn ở mức cao hơn so với giai đoạn trước đại dịch COVID-19. Theo dự báo của IMF, lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục giảm, nhưng tốc độ sẽ chậm lại.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

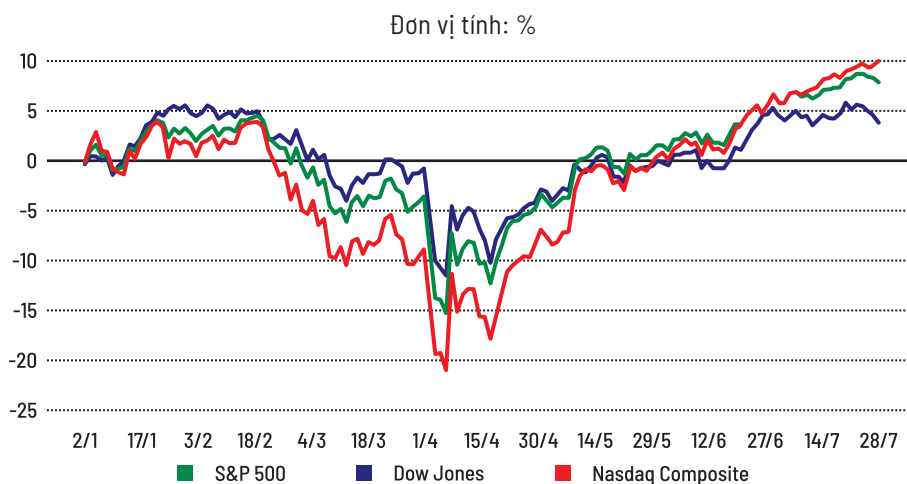
■ Mỹ

Hoạt động kinh doanh tại Mỹ tiếp tục mở rộng trong tháng 7/2025 và đạt tốc độ tăng trưởng nhanh nhất kể từ đầu năm, chủ yếu nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của lĩnh vực dịch vụ. Chỉ số PMI dịch vụ tăng vọt lên 55,2 điểm – vượt xa mức dự báo 53,0 và mức 52,9 của tháng trước – phản ánh sức mua nội địa ổn định và tâm lý tiêu dùng cải thiện. Tuy nhiên, sự phục hồi này diễn ra không đồng đều khi khu vực sản xuất sụt giảm đáng kể. **Chỉ số PMI sản xuất tháng 7/2025 đạt 49,8 điểm – giảm 3,1 điểm so với tháng 6/2025 (52,9)**, thể hiện xấu đi đôi chút trong tháng 7 do nhu cầu trì trệ và bất ổn về thuế quan tiếp tục chi phối toàn cảnh sản xuất. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chuỗi cung ứng bắt đầu chịu tác động tiêu cực trở lại do các chính sách thuế quan mới của chính quyền Tổng thống Trump.

Lạm phát toàn phần của Mỹ (so với cùng kỳ năm trước) là 2,7%. Mức này tăng so với 2,4% của tháng 5/2025 và là mức tăng cao nhất kể từ tháng 2/2025. Điều này cho thấy lạm phát tại Mỹ đã tăng trở lại, và có thể củng cố lập trường thận trọng của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trong việc đưa ra quyết định về lãi suất trong tương lai.

Trong khi đó, thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục xu hướng đi lên trong tháng qua nhờ môi trường vĩ mô ổn định và kỳ vọng tích cực về lợi nhuận doanh nghiệp. Chỉ số S&P 500 tăng 2,2%, Nasdaq Composite tăng mạnh 3,7%, trong khi Dow Jones gần như đi ngang với mức tăng nhẹ 0,1%. Tâm lý nhà đầu tư tiếp tục duy trì tích cực khi lạm phát và lãi suất được kiểm soát, hỗ trợ dòng tiền vào các tài sản rủi ro.

BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ
TỪ ĐẦU NĂM 2025 ĐẾN HẾT THÁNG 7/2025



Nguồn: CNBC

Mặc dù nền kinh tế đã có một số tín hiệu tích cực, tuy nhiên thị trường lao động Mỹ bắt đầu cho thấy dấu hiệu suy yếu rõ rệt khi chỉ tạo thêm 73.000 việc làm trong tháng 7 – thấp hơn mức tối thiểu 80.000 – 100.000 việc làm/tháng cần thiết để theo kịp tăng trưởng dân số. Tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ từ 4,1% lên 4,2%, trong khi tỷ lệ người thất nghiệp dài hạn (trên 6 tháng) tiến gần mốc 25%, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước (21,6%).



Bên cạnh đó, nền kinh tế Mỹ cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể khi thị trường bất động sản tiếp tục chìm trong trạng thái trầm lắng, chưa thể thoát khỏi tình trạng đóng băng kéo dài do lãi suất vay mua nhà vẫn ở mức cao, trong khi giá nhà neo ở mặt bằng lớn, gây khó khăn cho người mua và làm suy giảm tính thanh khoản của thị trường.

Ngoài ra, trong tháng qua, loạt chính sách thương mại và tài chính mới do chính quyền Tổng thống Trump ban hành đã tạo ra những tác động sâu rộng đến chi phí sản xuất, lạm phát và môi trường đầu tư tại Mỹ. Ngày 17/7, Bộ Thương mại Mỹ công bố mức thuế chống bán phá giá tạm thời lên tới 93,5% đối với than chì nhập khẩu từ Trung Quốc – một nguyên liệu then chốt trong sản xuất pin – khiến chi phí sản xuất tăng cao, tăng áp lực lạm phát trở lại. Ngay sau đó, ngày 18/7, Tổng thống Donald Trump tiếp tục đẩy mạnh chính sách tài chính số bằng việc ký ban hành Đạo luật Genius – đạo luật liên bang đầu tiên điều chỉnh tiền kỹ thuật số ổn định (stablecoin), được kỳ vọng sẽ thúc đẩy hệ sinh thái tài chính kỹ thuật số phát triển, song cũng đặt ra nhiều thách thức mới liên quan đến cơ chế giám sát, quản lý rủi ro và bảo mật thông tin trong dài hạn.

Đặc biệt, ngày 31/7, Tổng thống Donald Trump đã ký sắc lệnh áp thuế mới đối với hàng hóa nhập khẩu từ nhiều quốc gia, làm gia tăng bất ổn trong môi trường thương mại toàn cầu. Động thái này không chỉ đẩy chi phí nguyên liệu leo thang, mà còn gây ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành sản xuất như điện tử, ô tô và công nghệ cao. Các doanh nghiệp trong những lĩnh vực này phải đối mặt với áp lực suy giảm lợi nhuận và nguy cơ mất đơn hàng xuất khẩu khi các đối tác thương mại phản ứng bằng những biện pháp trả đũa tương ứng.

Trong bối cảnh đó, ngày 29/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) vẫn giữ lập trường lạc quan khi nâng nhẹ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ. Cụ thể, IMF dự báo nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng 1,9% trong năm 2025 và đạt 2% vào năm 2026, phản ánh niềm tin vào khả năng phục hồi và sức chống chịu của nền kinh tế Mỹ trước những thách thức đang gia tăng.

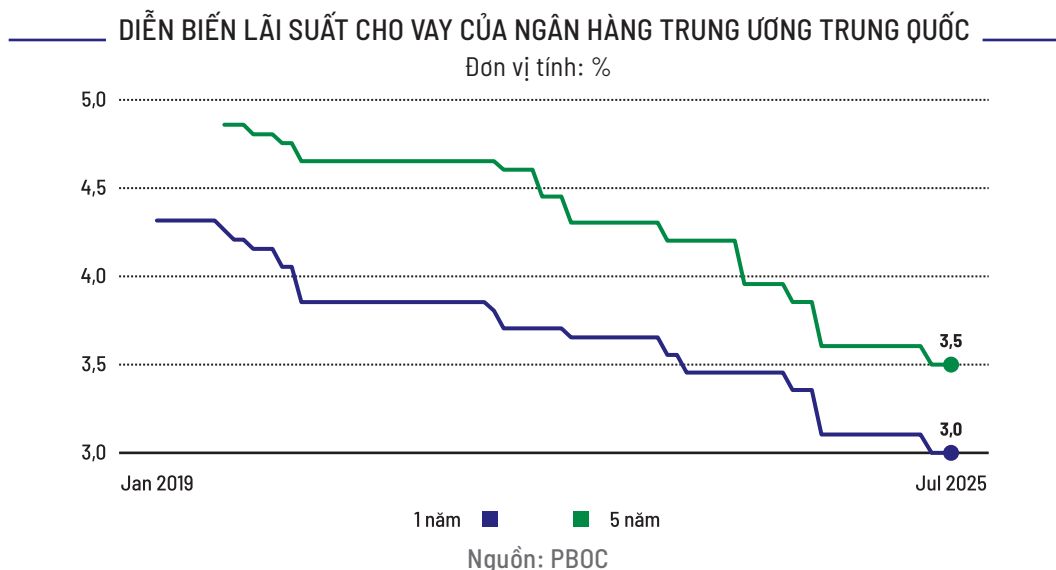
■ Trung Quốc

Trong tháng 7/2025, hoạt động sản xuất tại Trung Quốc bất ngờ suy giảm xuống mức thấp nhất trong ba tháng qua, phản ánh rõ tình trạng xuất khẩu chậm lại và nhu cầu nội địa tiếp tục yếu kém, bất chấp thỏa thuận ngừng thuế quan tạm thời với Mỹ.

PMI sản xuất tháng 7/2025 đạt 49,5 điểm, giảm 0,9 điểm so với tháng 6/2025 (50,4 điểm), cho thấy điều kiện của ngành sản xuất đã xấu đi vào đầu quý 3, mặc dù chỉ ở mức nhẹ. Đây là lần giảm thứ hai trong ba tháng, phản ánh rõ tình trạng xuất khẩu chậm lại và nhu cầu nội địa tiếp tục yếu kém, bất chấp thỏa thuận ngừng thuế quan tạm thời với Mỹ.

Tình trạng dư cung trong bất động sản với khoảng 65–80 triệu căn hộ tồn kho, cùng làn sóng vỡ nợ và các hành vi thổi giá tài sản, khiến hệ thống tín dụng rơi vào bất ổn, gia tăng rủi ro đối với toàn bộ nền kinh tế. Trong khi đó, căng thẳng thương mại với Liên minh châu Âu leo thang sau khi Trung Quốc áp thuế chống bán phá giá lên rượu mạnh châu Âu vào ngày 5/7, đẩy hai bên vào nguy cơ một cuộc chiến thương mại mở rộng sang nhiều mặt hàng chiến lược như ô tô, dệt may và điện tử.

Trước tình hình đó, ngày 21/7, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) tiếp tục duy trì lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm ở mức 3,0% và kỳ hạn 5 năm ở mức 3,5% nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh trong nước.

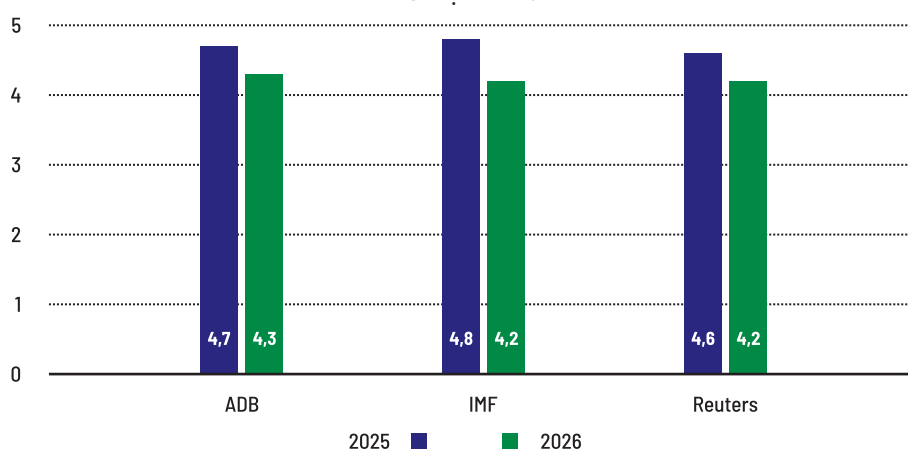


Đồng thời, để ứng phó với áp lực tăng trưởng và nhu cầu nội địa suy yếu, Trung Quốc đã triển khai nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tiêu dùng và tạo động lực tăng trưởng mới. Trong đó, kinh tế ban đêm đang được đẩy mạnh, đặc biệt tại các đô thị như Trùng Khánh, cùng với phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và trợ cấp chăm sóc trẻ em nhằm cải thiện tỷ lệ sinh. Bên cạnh đó, Trung Quốc mở rộng thương mại điện tử xuyên biên giới và tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, robot trong sản xuất để tối ưu chi phí, nâng cao năng suất. Đồng thời, công nghiệp văn hóa cũng được xác định là một lĩnh vực mũi nhọn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia.

Về triển vọng tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới, trong tháng qua, các tổ chức quốc tế đã đưa ra những dự báo khác nhau, phản ánh sự phân hóa trong nhận định về khả năng phục hồi của kinh tế Trung Quốc. Cụ thể, ngày 23/7, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc ở mức 4,7% cho năm 2025 và 4,3% cho năm 2026, cho rằng các biện pháp hỗ trợ hiện tại chỉ có thể phần nào bù đắp những tác động tiêu cực từ lĩnh vực bất động sản và xuất khẩu. Trong khi đó, ngày 29/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nâng mạnh dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2025 từ 4% lên 4,8% – mức cao nhất trong nhóm các nền kinh tế lớn – và điều chỉnh dự báo năm 2026 lên 4,2%. Tuy nhiên, theo khảo sát của Reuters thì các chuyên gia kinh tế vẫn giữ đánh giá thận trọng khi dự báo GDP Trung Quốc năm 2025 sẽ chỉ tăng 4,6%, tiếp tục thấp hơn mục tiêu 5% mà Chính phủ Trung Quốc đã đề ra, đến năm 2026, tốc độ tăng trưởng có thể giảm còn 4,2%, cho thấy những rủi ro vĩ mô vẫn hiện hữu trong quá trình phục hồi.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2025 - 2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: ADB, IMF, Reuters

■ EU

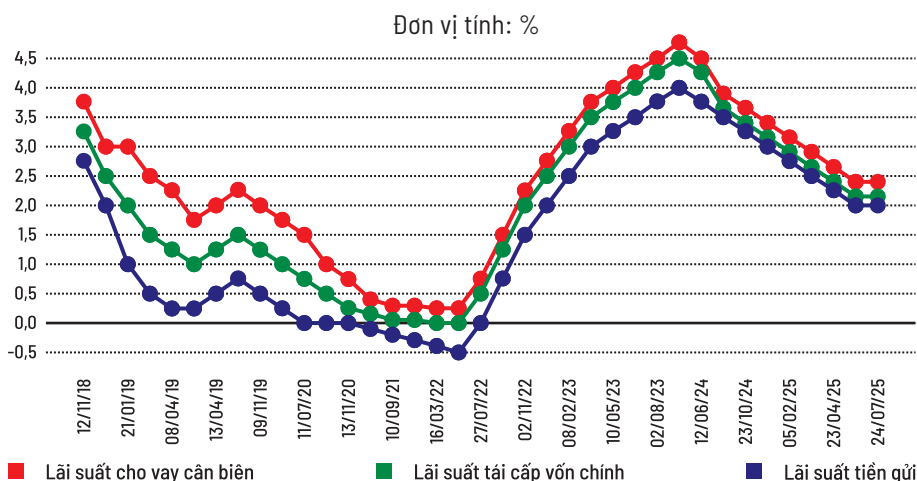
Kinh tế khu vực Liên minh châu Âu (EU) trong tháng 7/2025 ghi nhận nhiều tín hiệu phục hồi rõ nét. Tăng trưởng trong khu vực tư nhân được cải thiện đáng kể, với lĩnh vực dịch vụ duy trì đà tăng trưởng ổn định, trong khi ngành sản xuất từng bước thoát khỏi cuộc suy thoái kéo dài ba năm qua. Diễn biến này cho thấy nền kinh tế khu vực đang dần lấy lại động lực, bất chấp những áp lực từ căng thẳng thương mại với Mỹ.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 7/2025 đạt 49,8 điểm, tăng 0,3 điểm so với tháng 6/2025 (đạt 49,5 điểm), tiếp tục duy trì đà mở rộng liên tiếp kể từ đầu năm 2025 mặc dù chưa vượt qua ngưỡng trung tính.

Chỉ số lạm phát hàng năm tại khu vực Eurozone trong tháng 6/2025 là 2,0%, tăng nhẹ so với mức 1,9% của tháng 5/2025. Mặc dù lạm phát toàn phần ở mức mục tiêu (2%), lạm phát dịch vụ vẫn là một yếu tố chính thúc đẩy giá cả, với mức tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Việc lạm phát trở lại ngưỡng mục tiêu có thể củng cố lập trường của ECB, nhưng lạm phát dịch vụ vẫn cao cho thấy áp lực giá cả vẫn còn tồn tại trong nền kinh tế.

Ngày 24/7, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định giữ nguyên các mức lãi suất chính sách, trong đó lãi suất tiền gửi duy trì ở mức 2%, tái cấp vốn ở mức 2,15% và cho vay cận biên ở mức 2,4%, phản ánh sự thận trọng trước bối cảnh đàm phán thương mại Mỹ – EU vẫn đang diễn ra.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU



Nguồn: ECB

Một dấu mốc đáng chú ý trong tháng qua là việc EU và Mỹ đã đạt được một thỏa thuận thương mại quan trọng vào ngày 27/7, đánh dấu sự kết thúc của nhiều tháng đàm phán căng thẳng giữa hai bên. Theo đó, phần lớn hàng hóa của EU xuất khẩu sang Mỹ sẽ chịu mức thuế 15%, trong khi một số ngành then chốt như hàng không, dược phẩm và nông nghiệp được miễn thuế hoàn toàn. Ngoài ra, EU cam kết mua tới 750 tỷ USD các sản phẩm năng lượng từ Mỹ và đầu tư 600 tỷ USD vào nền kinh tế Mỹ. Thông tin này ngay lập tức tạo hiệu ứng tích cực trên thị trường tài chính châu Âu, với các chỉ số chứng khoán lớn đồng loạt tăng điểm. Tuy nhiên, về lâu dài, thỏa thuận này có thể làm nảy sinh những bất đồng nội khối và xu hướng bảo hộ, ảnh hưởng đến vai trò toàn cầu của EU trong đàm phán thương mại quốc tế.

Bên cạnh đó, nền kinh tế EU vẫn đang chịu sức ép từ nhiều rủi ro tiềm ẩn, đặc biệt là vấn đề an ninh năng lượng. Trước lo ngại giá năng lượng gia tăng, ngày 8/7, Nghị viện châu Âu đã thông qua quyết định nới lỏng quy định về mục tiêu lấp đầy

kho dự trữ khí đốt – thay vì yêu cầu đạt 90% trước ngày 1/11 như trước đây – nhằm giảm áp lực thị trường và bảo đảm nguồn cung ổn định cho mùa đông sắp tới. Ngoài ra, ngày 28/7, Ủy ban châu Âu cũng đã áp dụng các mức thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm thép mạ nhập khẩu từ Trung Quốc, thể hiện quan điểm cứng rắn hơn của EU trong việc bảo vệ thị trường nội khối trước những hành vi cạnh tranh không công bằng từ bên ngoài.

Mặc dù kinh tế EU đã bắt đầu phục hồi tích cực, tuy nhiên các tổ chức quốc tế vẫn tiếp tục duy trì đánh giá thận trọng về triển vọng tăng trưởng của khu vực này trong thời gian tới. Ngày 9/7, Conference Board dự báo kinh tế Eurozone sẽ tăng trưởng 0,9% trong năm 2025 và đạt 1,3% vào năm 2026, với điều kiện tránh được những căng thẳng thương mại kéo dài. Đồng quan điểm thận trọng, ngày 29/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực này đạt 1% trong năm 2025 và 1,2% vào năm 2026.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Các tổ chức tài chính lớn trên thế giới đã đưa ra những nhận định và dự báo về tình hình kinh tế toàn cầu, với một số điểm chung đáng chú ý:

■ *Tăng trưởng toàn cầu chậm lại nhưng vẫn tích cực:*

Nhiều tổ chức quốc tế lớn như Ngân hàng Thế giới (World Bank - WB) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu cho năm 2025 so với các dự báo trước đó.

Mức tăng trưởng dự kiến: WB hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025 xuống còn 2,3%, mức thấp nhất kể từ năm 2008 (không tính giai đoạn đại dịch).

Về động lực tăng trưởng: Một số báo cáo cho thấy tăng trưởng vẫn được duy trì ở một số khu vực nhờ vào sự phục hồi của tiêu dùng và đầu tư, nhưng tốc độ chậm lại so với năm trước.

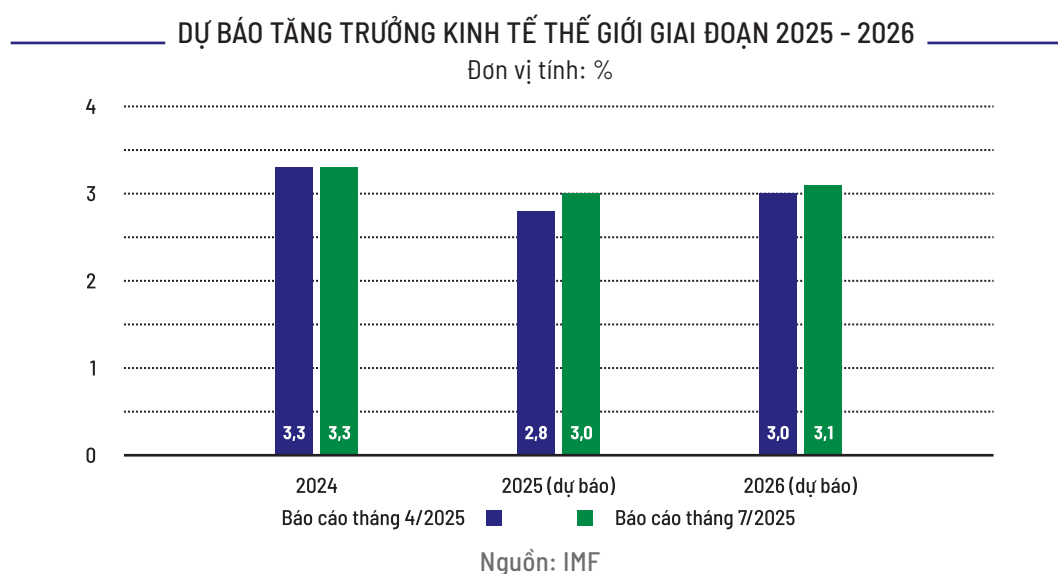
■ *Rủi ro gia tăng:*

Trong dài hạn, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng khi các vụ tấn công tàu hàng tại Biển Đỏ khiến chi phí bảo hiểm và vận chuyển tăng vọt, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và đẩy chi phí logistics toàn cầu lên cao. Song song với đó, việc Liên minh châu Âu công bố gói trừng phạt thứ 18 nhằm vào Nga vào ngày 18/7, càng làm gia tăng sự phân mảnh của hệ thống kinh tế thế giới. Thêm vào đó, căng thẳng địa chính trị leo thang và các cuộc đàm phán thương mại kéo dài trong bất định tiếp tục tăng áp lực lên hoạt động thương mại toàn cầu, trong khi mức nợ công cao tại nhiều nền kinh tế mới nổi đang thu hẹp dư địa tài khóa, làm suy giảm niềm tin thị trường, trì hoãn dòng vốn đầu tư và đặt ra những rào cản lớn đối với quá trình phục hồi kinh tế trong thời gian tới.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2025

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu tiếp tục đối mặt với những biến động do các rào cản thuế quan mới từ Mỹ và căng thẳng địa chính trị gia tăng, ngày 29/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu cho năm 2025 và 2026.

Cụ thể, *IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ đạt 3% vào năm 2025 (tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trước) và 3,1% vào năm 2026 (tăng 0,1 điểm phần trăm),* dù vẫn thấp hơn mức trung bình 3,7% trước đại dịch.



Việc điều chỉnh này chủ yếu nhờ vào hoạt động nhập khẩu mạnh hơn dự kiến trước thời điểm Mỹ áp thuế mới, cùng với mức thuế quan thực tế của Mỹ giảm so với ước tính hồi tháng 4.

Đáng chú ý, *IMF cũng nâng dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển trong năm 2025 từ 3,7% lên 4,1% và trong năm 2026 từ 3,9% lên 4%,* phản ánh kết quả kinh tế tích cực trong nửa đầu năm 2025 và sự giảm đáng kể thuế quan giữa Mỹ và Trung Quốc.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

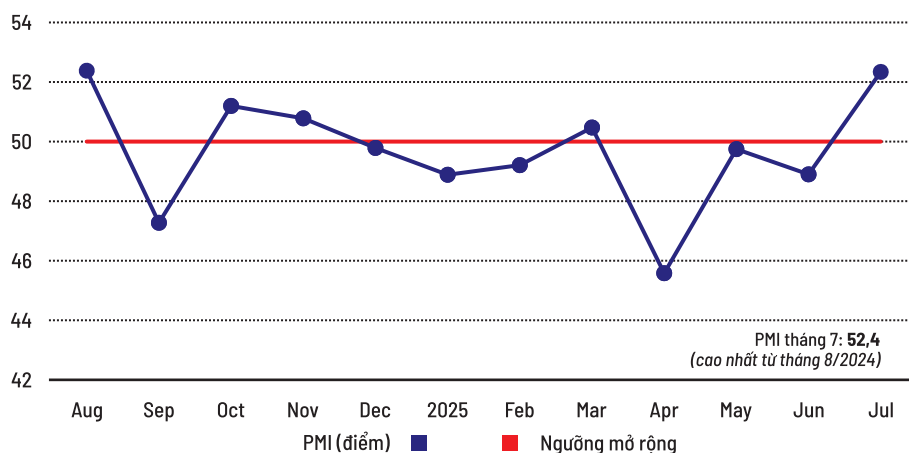


1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 7/2025

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Trong tháng 7/2025, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đã tăng mạnh lên 52,4 điểm – mức cao nhất trong gần một năm qua và lần đầu tiên vượt ngưỡng 50 điểm sau bốn tháng suy yếu liên tiếp. Mức tăng đáng kể từ 48,9 điểm của tháng 6 phản ánh sự cải thiện rõ nét trong điều kiện kinh doanh của ngành. Đáng chú ý, số lượng đơn đặt hàng mới đã quay trở lại đà tăng, thúc đẩy sản lượng tăng nhanh hơn và kéo theo sự gia tăng trong hoạt động mua hàng, dù việc làm trong ngành gần như không thay đổi. Tuy nhiên, áp lực vẫn hiện hữu khi các đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm do ảnh hưởng từ các biện pháp thuế quan của Mỹ, đồng thời chi phí đầu vào tăng nhanh, đạt mức cao nhất trong vòng 7 tháng đầu năm.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 8/2024 - 7/2025

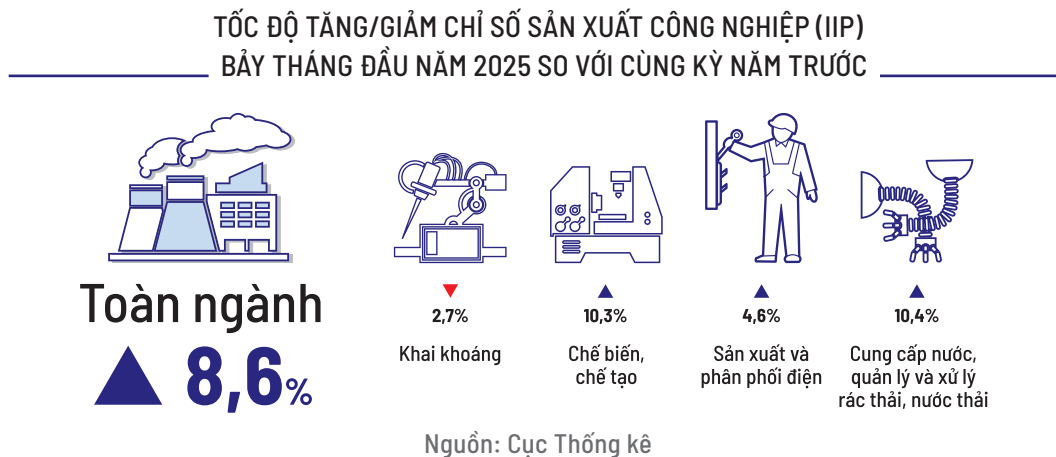


Nguồn: S&P Global

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2025 ước tính tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 9,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,0%; ngành khai khoáng tăng 2,6%.

Tính chung bảy tháng đầu năm 2025, IIP ước tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,5%).



1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 7/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 82,27 tỷ USD, tăng 8,0% so với tháng trước và tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 514,7 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,8%; nhập khẩu tăng 17,9%.

■ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2025 đạt 42,27 tỷ USD, tăng 6,9% so với tháng trước và tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 262,44 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 67,48 tỷ USD, tăng 6,7%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 194,96 tỷ USD, tăng 17,9%, chiếm 74,3%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu bảy tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 232,37 tỷ USD, chiếm 88,6%.

■ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2025 đạt 40,0 tỷ USD, tăng 9,1% so với tháng trước và tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 252,26 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 84,07 tỷ USD, tăng 8,0%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 168,19 tỷ USD, tăng 23,6%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu bảy tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 236,57 tỷ USD, chiếm 93,8%.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng 7/2025 xuất siêu 2,27 tỷ USD. Tính chung bảy tháng đầu năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 10,18 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 14,64 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 16,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 26,78 tỷ USD.

Trong thời gian tới, tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam dự báo sẽ đối mặt với nhiều thách thức dù đã có một số tín hiệu tích cực. Việc Mỹ điều chỉnh giảm mức thuế đối ứng từ 46% xuống còn 20% giúp giảm bớt áp lực cho doanh nghiệp Việt, đặc biệt là ngành gỗ. Tuy nhiên, mức thuế 20% vẫn là trở ngại lớn đối với các ngành có biên lợi nhuận thấp như dệt may, thủy sản và công nghệ. Ước tính xuất khẩu sang Mỹ có thể giảm tới một phần ba, tương đương khoảng 37 tỷ USD, trong đó ngành công nghệ chịu tác động nặng nề nhất.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 7/2025, cả nước có 16,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 32,3% so với tháng trước và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 14,6 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 78,3% so với cùng kỳ năm 2024; 7,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 14,2% và tăng 7,4%; 4,4 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 56,4% và giảm 37,7%; 1,9 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 29,4% và tăng 5,4%.

Tính chung bảy tháng đầu năm 2025, cả nước có 174,0 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2025 ước đạt 76,5 nghìn tỷ đồng, tăng 30,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 378,3 nghìn tỷ đồng, bằng 40,7% kế hoạch năm và tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 38,6% và tăng 2,4%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/7/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 24,09 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam bảy tháng đầu năm 2025 ước đạt 13,6 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong bảy tháng đầu năm 2025 có 105 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 398,9 triệu USD, gấp 3,2 lần so với cùng kỳ năm trước; có 20 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 129,6 triệu USD, gấp 4,5 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 528,5 triệu USD, gấp 3,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, theo Bộ Tài chính, ước tính trong tháng 7/2025, số giải ngân cả nước tăng 69.728 tỷ đồng so với số giải ngân đến hết tháng 6/2025. Tỷ lệ giải ngân chung của cả nước đến hết tháng 7/2025 đạt 43,9%, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2024 (33,8%); đặc biệt là vốn ngân sách địa phương (NSĐP) với tỷ lệ giải ngân đạt 57,5%, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2024 (33,3%). Có 04/42 bộ ngành và 19/34 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt từ mức bình quân chung cả nước; 38/42 bộ ngành và 15/34 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới mức bình quân chung cả nước.

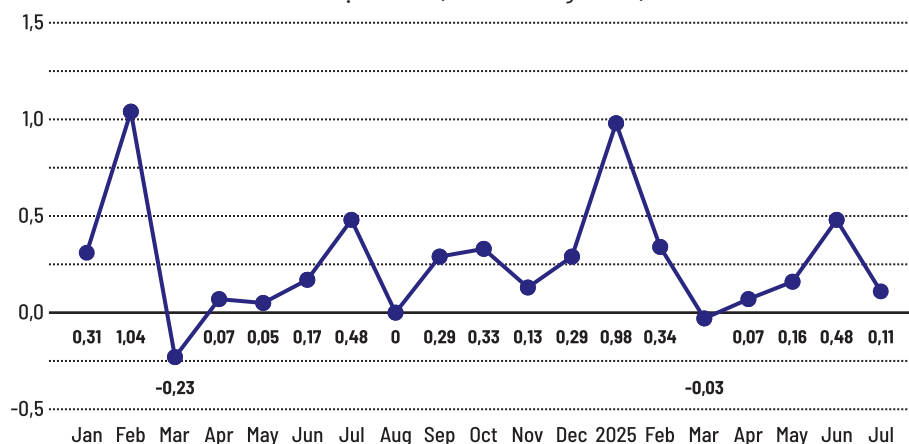
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2025 tăng 0,11% so với tháng trước chủ yếu do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở, giá thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình tăng. CPI tháng 7/2025 tăng 2,13% so với tháng 12/2024; tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân bảy tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,26% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 3,18%.

TĂNG TRƯỞNG CPI TỪ THÁNG 1/2025 ĐẾN HẾT THÁNG 7/2025

Đơn vị tính: % (so với tháng trước)

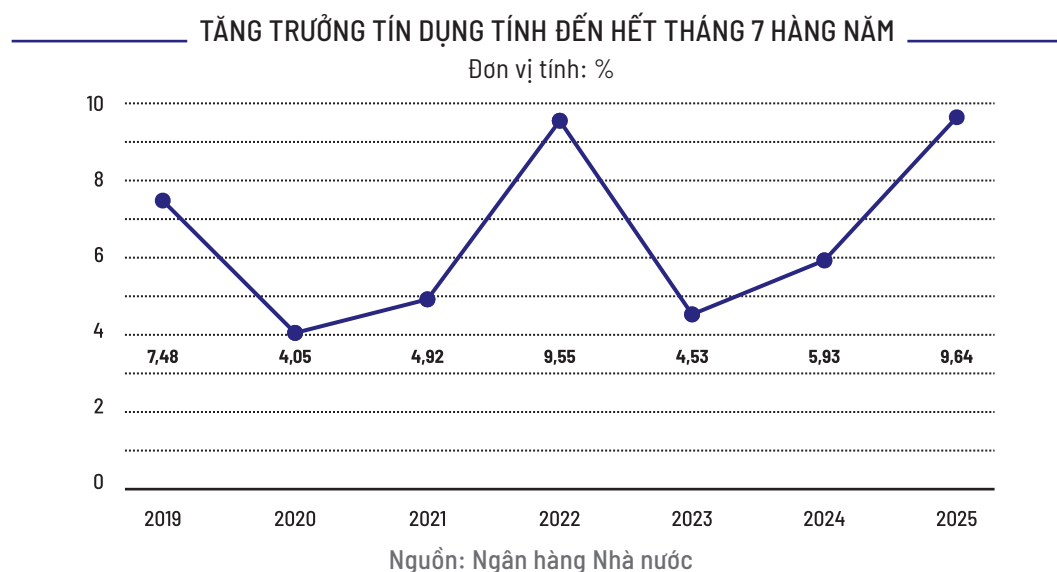


Nguồn: Cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính – tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến ngày 28/7, tín dụng toàn hệ thống tăng 9,64% so với cuối năm 2024, cao hơn đáng kể so với mức tăng khoảng 6% cùng kỳ năm ngoái và tương đương với thời điểm năm 2022.



Trước bối cảnh tín dụng tăng mạnh, ngày 31/7, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều chỉnh tăng thêm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 cho các tổ chức tín dụng, theo nguyên tắc cụ thể, công khai và minh bạch, mà không cần đến đề nghị từ phía các ngân hàng. Động thái này cho thấy sự linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ, góp phần hỗ trợ nền kinh tế duy trì đà phục hồi và tăng trưởng.

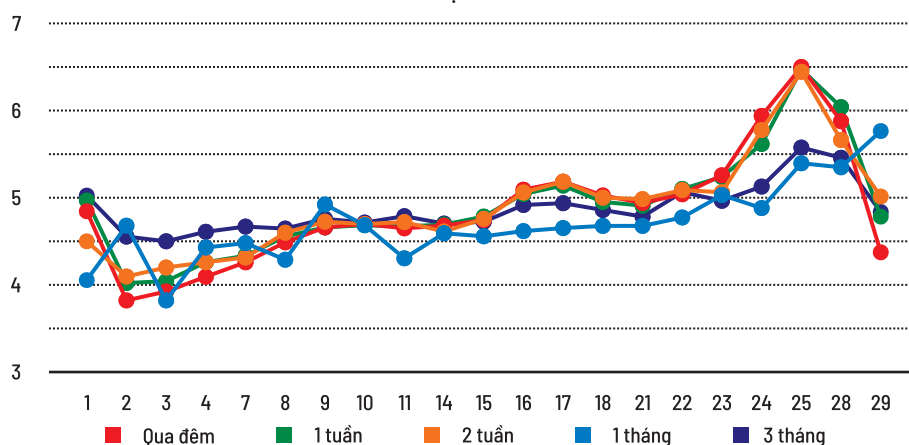
1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 7/2025, Ngân hàng Nhà nước áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng có xu hướng ổn định trong nửa đầu tháng, dao động quanh mức 4-5% trên tất cả các kỳ hạn. Tuy nhiên, từ giai đoạn cuối tháng, thị trường bắt đầu có những biến động mạnh mẽ, đẩy lãi suất tăng vọt. Cụ thể, các kỳ hạn ngắn như qua đêm, 1 tuần và 2 tuần đã tăng mạnh và đạt đỉnh khoảng 6.5% vào ngày 26-27/07. Trong khi đó, các kỳ hạn dài hơn như 1 tháng và 3 tháng cũng tăng nhưng với biên độ thấp hơn, đạt đỉnh khoảng 5.5%. Sau đỉnh điểm, lãi suất các kỳ hạn ngắn giảm nhanh chóng, trong khi các kỳ hạn dài hơn duy trì ở mức cao hơn so với đầu tháng, cho thấy sự phân hóa trong thanh khoản giữa các kỳ hạn vào cuối tháng.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2025

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 7/2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tính đến tháng 7/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 7/2025

LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

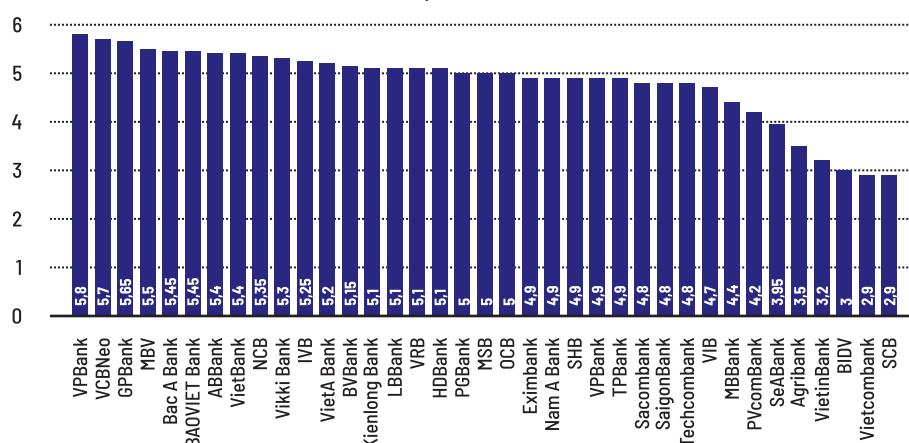
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 7/2025, đã có 9 ngân hàng điều chỉnh biểu lãi suất tiết kiệm, trong đó 5 ngân hàng tăng lãi suất từ 0,1 - 0,2%/năm, bao gồm: VPBank, Techcombank, VCBNeo, Cake by VPBank và Eximbank. Ở chiều ngược lại, Bac A Bank, VIB và BaoViet Bank là những ngân hàng giảm lãi suất trong tháng này. Trong khi đó, Sacombank điều chỉnh trái chiều theo hướng tăng mạnh kỳ hạn ngắn và giảm nhẹ đối với kỳ hạn dài.

Lãi suất tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% - 4,5%. Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 2,9% - 5,8%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 12 tháng có biên độ dao động từ 3,7% - 9%.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỲ HẠN 6 THÁNG TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: %/năm



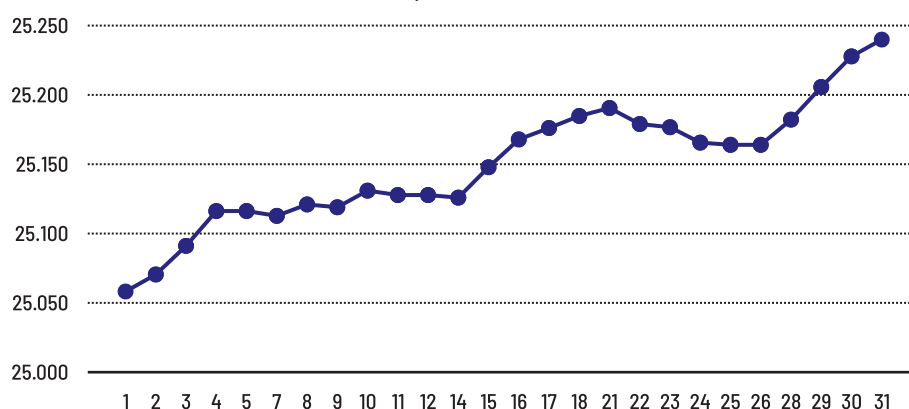
Nguồn: Vibiz Monitoring, tháng 7/2025

1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 7/2025, tỷ giá trung tâm VND/USD có xu hướng tăng đều trong suốt cả tháng. Đầu tháng, tỷ giá ở mức khoảng 25.050 VND/USD, sau đó tăng dần một cách ổn định, vượt qua mốc 25.100 và 25.150 vào giữa tháng. Mặc dù có những biến động nhẹ, tỷ giá vẫn duy trì xu hướng đi lên và đạt mức cao nhất vào cuối tháng, khoảng 25.240 VND/USD. Nhìn chung, biểu đồ cho thấy đồng VND đã mất giá nhẹ so với đồng USD trong tháng 7/2025, với tỷ giá tăng từ đầu đến cuối tháng mà không có sự sụt giảm đáng kể.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM VND VỚI ĐỒNG USD THÁNG 7/2025

Đơn vị tính: VND/USD



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Bên cạnh đó, giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2025 tăng 0,37% so với tháng trước; tăng 3,39% so với cùng kỳ năm trước; tăng 3,3% so với tháng 12/2024; bình quân bảy tháng đầu năm 2025 tăng 3,32%.

1.2.4. Chứng khoán

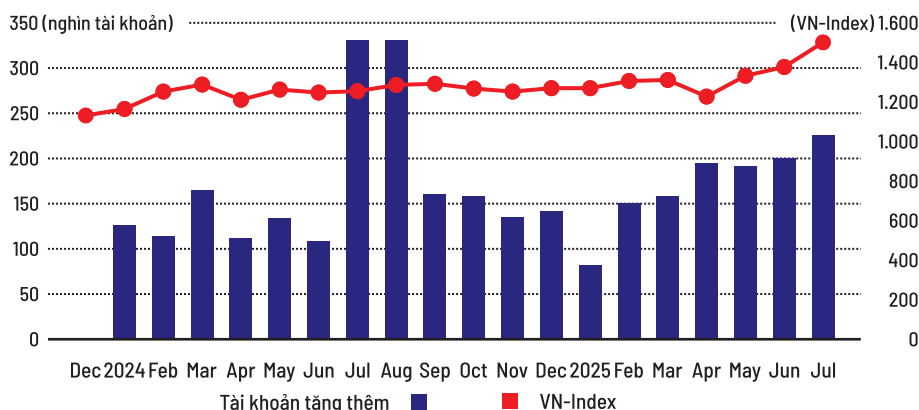
Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 7/2025 đã chứng kiến một bước nhảy vọt cả về điểm số lẫn sức hút đối với nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư cá nhân trong nước. Đáng chú ý, VN-Index đã thiết lập đỉnh lịch sử mới, tăng hơn 126 điểm (+9,16%) so với tháng trước, vượt mốc 1.500 điểm – một cột mốc quan trọng đánh dấu đúng dịp kỷ niệm 25 năm thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam (28/7).

Cùng với đà tăng điểm mạnh mẽ, thanh khoản trên toàn thị trường cũng bùng nổ, với giá trị giao dịch bình quân phiên trên 3 sàn đạt 39.450 tỷ đồng, trong đó giá trị khớp lệnh lên tới 36.659 tỷ đồng/phiên, tăng tới 75,8% so với tháng trước và hơn 80% so với mức trung bình của 5 tháng gần nhất. Riêng sàn HOSE ghi nhận thanh khoản gần 35.000 tỷ đồng/phiên, so với mức chỉ khoảng 20.100 tỷ đồng trong tháng 6.

Trong đó, nhóm cổ phiếu dầu khí ghi nhận diễn biến tích cực nhờ sự phục hồi của giá dầu thế giới và kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận từ các doanh nghiệp đầu ngành. Nhiều mã như BSR, PVD, GAS, PVC, OIL đều tăng giá mạnh, trong đó BSR nằm trong top được nhà đầu tư cá nhân mua ròng nhiều nhất, phản ánh sự quan tâm lớn đến nhóm cổ phiếu năng lượng. Thanh khoản của nhóm này cũng cải thiện rõ rệt, cho thấy dòng tiền đang quay trở lại với kỳ vọng kết quả kinh doanh quý III/2025 sẽ khả quan nhờ giá dầu ổn định và nhu cầu phục hồi trong khu vực.

Tâm lý hưng phấn lan rộng trên thị trường đã thúc đẩy làn sóng mở mới tài khoản chứng khoán ồ ạt. Tính đến hết tháng 7/2025, tổng số tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt gần 10,5 triệu tài khoản, tăng hơn 1,2 triệu tài khoản so với đầu năm. Đáng chú ý, nhà đầu tư cá nhân trong nước chiếm phần áp đảo với hơn 10,4 triệu tài khoản, tương đương hơn 10% dân số – sớm hoàn thành mục tiêu phát triển thị trường trước thời hạn năm 2025 và đang hướng đến cột mốc 11 triệu tài khoản vào năm 2030. Trong tháng qua, chỉ riêng nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước đã mở mới gần 226.000 tài khoản, trong khi các tổ chức chỉ tăng thêm 164 tài khoản. Ở khối ngoại, nhà đầu tư cá nhân mở thêm 179 tài khoản, đạt hơn 44.100 tài khoản, còn tổ chức nước ngoài tăng thêm 9 tài khoản, đạt gần 4.700.

BIẾN ĐỘNG SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN TĂNG THÊM
VÀ CHỈ SỐ VN-INDEX TỪ THÁNG 12/2023 ĐẾN THÁNG 7/2025



Nguồn: VietstockFinance

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán tháng 7 còn được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố vĩ mô và chính sách thuận lợi. Nghị quyết Trung ương số 68 cùng với các Nghị quyết quan trọng khác như 57, 59, 66 tạo ra kỳ vọng lớn về các động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế và thị trường tài chính. Đồng thời, môi trường lãi suất thấp, tăng trưởng GDP ổn định, cùng triển vọng nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi đang thu hút mạnh dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài, nhất là khi chính sách thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam được điều chỉnh theo hướng tích cực và cạnh tranh hơn so với các nước trong khu vực.

Dự báo trong thời gian tới, nếu kịch bản cơ sở xảy ra, VN-Index có thể đạt 1.555 điểm vào cuối năm với P/E khoảng 14,6 lần và tăng trưởng EPS khoảng 12%. Trong kịch bản lạc quan hơn, VN-Index có thể đạt tới 1.663 điểm, P/E 15,3 lần và tăng trưởng EPS đạt 13%, đưa kỳ vọng lợi nhuận toàn thị trường năm 2025 lên mức 14–15%.

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 7/2025 tăng 0,21% so với tháng trước và tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân bảy tháng đầu năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,26% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Lạm phát tại Việt Nam trong thời gian tới đứng trước nguy cơ gia tăng, thậm chí có thể vượt mốc 5% nếu giá dầu thế giới và tỷ giá hối đoái biến động mạnh. Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị có thể bùng phát bất cứ lúc nào, giá dầu rất dễ leo thang trở lại, kéo theo vòng xoáy lạm phát toàn cầu.

Với cơ cấu nền kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nhiên liệu tinh chế, Việt Nam đặc biệt nhạy cảm trước những cú sốc giá dầu. Điều này càng đáng lo ngại khi nhóm giao thông chiếm khoảng 9,67% và nhóm thực phẩm, dịch vụ ăn uống chiếm hơn 33,5% trong rổ CPI – đều là những lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chi phí năng lượng. Từ vận tải, xay xát nông sản, đánh bắt thủy sản cho đến hệ thống tưới tiêu và sản xuất phân bón, tất cả đều phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa giá dầu và mặt bằng giá tiêu dùng. Do đó, áp lực lạm phát trong những tháng tới sẽ tiếp tục tăng nếu giá dầu toàn cầu không được kiểm soát hiệu quả.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ Đề xuất bãi bỏ giấy phép không cần thiết trong lĩnh vực khí và xăng dầu

Góp ý Dự thảo Quyết định phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Công Thương (Dự thảo), Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhấn mạnh Dự thảo đã thể hiện tinh thần cải cách rất tích cực, song vẫn còn một số quy định chưa thực sự cần thiết, gây tốn kém cho doanh nghiệp, cần được tiếp tục rà soát để bãi bỏ, VCCI đã kiến nghị bãi bỏ một số thủ tục không cần thiết trong sản xuất, kinh doanh khí và xăng dầu.

Theo VCCI, điều kiện về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) đã được kiến nghị bỏ trong thành phần hồ sơ của các thủ tục như cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí. Mặt khác, theo quy định tại Nghị định 96/2016/NĐ-CP kinh doanh khí thuộc ngành nghề phải đáp ứng về điều kiện an ninh trật tự, trong đó cũng yêu cầu phải đáp ứng quy định về phòng cháy và chữa cháy. Quy định về phòng cháy và chữa cháy cũng có quy những quy định đối với những cơ sở kinh doanh khí. Vì vậy, VCCI cho rằng không cần thiết phải quy định thêm điều kiện PCCC riêng trong Nghị định về kinh doanh khí. Trong bối cảnh không còn điều kiện đặc thù nào khác, việc duy trì thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai là không cần thiết. VCCI đề nghị bãi bỏ hoàn toàn giấy phép này để giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Đối với hoạt động sản xuất, sửa chữa chai LPG, quy định hiện hành yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa chai LPG phải đáp ứng điều kiện kinh doanh và phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản xuất chai LPG. VCCI cho rằng chai LPG là loại hàng hóa có nguy cơ cao về an toàn, cần có cơ chế kiểm soát. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, chai LPG trước khi lưu thông phải được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, chứng nhận hợp quy theo quy định của pháp luật, phải đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và thực hiện kiểm định định kỳ theo quy định; có đầy đủ hồ sơ, nguồn gốc xuất xứ của nhà sản xuất (khoản 1 Điều 16 Nghị định 87/2018/NĐ-CP). Đây là những cơ chế kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và an toàn sản phẩm.

Trong bối cảnh như vậy, việc yêu cầu thêm điều kiện kinh doanh và giấy phép riêng cho hoạt động sản xuất, sửa chữa chai LPG là không cần thiết. Theo VCCI, dù sản xuất bằng dây chuyền nào và kiểm soát bằng hệ thống chất lượng ra sao, thì sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường đều được kiểm soát chất lượng và độ an toàn. Do đó, cần cân nhắc bãi bỏ điều kiện kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG.

Tại lĩnh vực xăng dầu, Dự thảo vẫn giữ quy định yêu cầu đại lý bán lẻ xăng dầu phải có hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh với thời hạn tối thiểu 5 năm. Theo VCCI, quy định này không thực sự cần thiết và thiếu tính thực tế. Bởi các hợp đồng dân sự như hợp đồng thuê địa điểm hoàn toàn có thể được các bên tự thỏa thuận

điều chỉnh sau khi được cấp phép. Việc đảm bảo quyền sử dụng ổn định đối với cơ sở vật chất kinh doanh không phụ thuộc vào thời hạn hợp đồng, mà phụ thuộc vào việc doanh nghiệp có quyền sử dụng hợp pháp trong quá trình hoạt động.

Trên thực tế, nhiều lĩnh vực khác khi quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, pháp luật yêu cầu doanh nghiệp phải có quyền sử dụng cơ sở vật chất và phải duy trì quyền sử dụng đó trong suốt thời gian kinh doanh. Đây là cách tiếp cận hợp lý, bảo đảm doanh nghiệp luôn có đủ năng lực để thực hiện các hoạt động kinh doanh an toàn.

Do đó, VCCI đề nghị bãi bỏ quy định về thời hạn hợp đồng tối thiểu 5 năm đối với đại lý xăng dầu, đồng thời rà soát và bỏ các quy định về việc yêu cầu thời hạn tối thiểu của hợp đồng trong các quy định trong lĩnh vực xăng dầu.

▪ *Chính thức áp mức thuế giá trị gia tăng 5% với phân bón từ 1/7/2025*

Theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/7/2025 đã hướng dẫn chi tiết các điều khoản thi hành của Luật Thuế GTGT năm 2024 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2024 nêu rõ, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% sẽ được áp dụng cho mặt hàng phân bón và một sản phẩm vật tư nông nghiệp từ ngày 1/7.

Các quy định mới này mang đến nhiều thay đổi quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, yêu cầu các tổ chức và doanh nghiệp cần nắm rõ để đảm bảo tuân thủ và tận dụng lợi thế.

Theo đó, mức thuế suất 5% sẽ được áp dụng cho một số mặt hàng và dịch vụ quan trọng trong ngành nông nghiệp, bao gồm: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các dịch vụ liên quan đến sản xuất, sơ chế và bảo quản nông sản, và máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp và thủy sản.

Đáng chú ý, mặt hàng phân bón từ diện không chịu thuế GTGT nay chính thức được áp dụng mức thuế suất 5%. Điều này được quy định rõ tại Khoản 1, Điều 19 của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP: Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi theo quy định của pháp luật, trong đó: quặng để sản xuất phân bón là các quặng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón như quặng apatit dùng để sản xuất các loại phân bón chứa lân, đất bùn làm phân vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Việc áp dụng mức thuế suất GTGT 5% đối với phân bón và vật tư nông nghiệp được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều tác động tích cực cho nền kinh tế và ngành nông nghiệp. Thay đổi này được đánh giá sẽ giúp giảm đáng kể chi phí sản xuất cho các doanh nghiệp trong nước nhờ việc được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với vốn, vật tư, máy móc thiết bị.

Đồng thời, làm tăng lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm phân bón sản xuất trong nước, bởi lẽ phân bón nhập khẩu sẽ phải chịu thêm 5% thuế GTGT, qua đó khuyến khích sản xuất nội địa và giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài.

Đối với người tiêu dùng, khi chi phí sản xuất được tiết giảm, các doanh nghiệp trong nước có khả năng sẽ giảm giá bán sản phẩm tương ứng, đặc biệt trong trường hợp giá nguyên liệu đầu vào trên thị trường quốc tế không tăng.

Bên cạnh đó, chính sách này cũng được đánh giá là không gây ảnh hưởng tiêu cực đến ngân sách nhà nước, bởi thuế thu được từ khâu nhập khẩu sẽ bù trừ cho phần thuế được hoàn lại cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

Ngoài ra, phân bón hiện là sản phẩm bình ổn giá. Do đó, trong trường hợp cần thiết, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp bình ổn giá nếu có biến động lớn trên thị trường, nhằm đảm bảo giá phân bón không tăng quá cao, bảo vệ lợi ích của người nông dân.

▪ ***Đề xuất tiếp tục giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu hết năm 2026***

Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục giảm một nửa thuế bảo vệ môi trường với xăng, 30% cho nhiên liệu bay và 40% dầu hỏa đến hết năm sau.

Theo đó, chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu được áp dụng từ tháng 4/2022. Hiện mức thuế này được giảm 50%, tương ứng 2.000 đồng tính trên một lít xăng (trừ etanol) và 1.000 đồng với mỗi lít dầu diesel. Chính sách này hết hiệu lực cuối năm nay, kéo theo thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu sẽ quay lại mức trần từ đầu 2026.

Để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, góp phần bình ổn giá nhiên liệu trong nước, CPI, Bộ Tài chính đề xuất kéo dài chính sách này đến hết năm sau. Theo đó, thuế bảo vệ môi trường với xăng, trừ etanol dự kiến là 2.000 đồng một lít; dầu diesel, dầu mazut, dầu nhớt là 1.000 đồng một lít; mỡ nhớt 1.000 đồng một kg; dầu hỏa 600 đồng một lít.

Riêng nhiên liệu bay được đề xuất áp dụng mức thuế 2.000 đồng một lít, thay vì ưu đãi 1.000 đồng như hiện hành.

Từ 2027, thuế bảo vệ môi trường dự kiến quay về mức trần, theo quy định là xăng (trừ etanol) là 4.000 đồng một lít; nhiên liệu bay 3.000 đồng một lít; dầu diesel, mazut, dầu nhớt là 2.000 đồng một lít; dầu hỏa 1.000 đồng một lít; mỡ nhớt là 2.000 đồng một kg.

▪ ***Dự kiến bắt buộc dùng xăng E10 từ ngày 1/1/2026***

Bộ Công Thương cho biết đã cơ bản thực hiện xong công tác rà soát, đánh giá, phân tích tình hình thực hiện quyết định 53/2012 về lộ trình áp dụng tỉ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Trong đó, bộ đã có tờ trình báo cáo Thủ tướng xin chủ trương xây dựng quyết định thay thế Quyết định 53, đề xuất kế hoạch mới thay thế lộ trình sử dụng nhiên liệu sinh học.

Cục Quản lý và phát triển thị trường trong nước được giao đảm bảo nguồn cung xăng nền cũng như ethanol, phối hợp cùng với các đơn vị liên quan, các hiệp hội để rà soát, xem xét kiến nghị cập nhật các quy định về kỹ thuật đối với các chủng loại xăng dầu.

Đặc biệt, các doanh nghiệp sản xuất và đầu mối kinh doanh phải chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện để sẵn sàng cho sản xuất, phối trộn, vận chuyển và phân phối xăng sinh học E10 trên toàn quốc, dự kiến từ 1/1/2026.

■ **Ba thành phố lớn thí điểm bán xăng E10 từ 1/8/2025**

Từ 1/8/2025, TP HCM, Hà Nội, Hải Phòng sẽ thí điểm bán xăng E10 - loại nhiên liệu sinh học pha 10% ethanol vào xăng khoáng.

Đây là bước đi đầu tiên trong lộ trình chuyển đổi toàn quốc sang nhiên liệu xanh, dự kiến bắt đầu từ năm 2026. Xăng sinh học E10, với thành phần gồm 10% ethanol sinh học pha trộn cùng 90% xăng khoáng, được xem là giải pháp quan trọng nhằm giảm phát thải CO₂, thúc đẩy ngành nông nghiệp ethanol và đa dạng hóa nguồn cung năng lượng. Theo lộ trình của Chính phủ, xăng sinh học E10 sẽ từng bước thay thế xăng khoáng trên thị trường.

Hai đầu mối lớn nhất thị trường xăng dầu là Petrolimex và PVOIL, đang lên kế hoạch triển khai bán E10 trong tháng 8. Trong đó:

- *Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) sẽ thí điểm kinh doanh Xăng sinh học E10 (xăng E10) tại 36 cửa hàng xăng dầu thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh (trước sáp nhập) nhằm đánh giá thị trường và khả năng triển khai thực tiễn.*
- *Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sẽ thí điểm bán xăng E10 trên địa bàn TP Hà Nội và TP Hải Phòng, trong đó, tại Hà Nội, PVOIL thí điểm bán ở 4 điểm: Cửa hàng xăng dầu Thái Thịnh (phường Đống Đa), cửa hàng Nghĩa Tân (phường Nghĩa Đô), cửa hàng Liên Ninh (xã Ngọc Hồi), cửa hàng Châu Can (xã Chuyên Mỹ). Tại Hải Phòng, PVOIL thí điểm bán xăng E10 RON95 tại 2 cửa hàng: Thành Tô (phường Hải An), Tân Dương (phường Thủy Nguyên).*

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong tháng 7/2025, phần lớn các tổ chức tài chính và cơ quan chính phủ trong và ngoài nước đã đồng loạt điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam theo hướng tích cực, phản ánh niềm tin vào đà phục hồi và động lực tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế.

Ngày 8/7, *Ngân hàng United Overseas Bank (UOB) nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 lên 6,9% (từ mức 6% trước đó), với GDP quý III và quý IV lần lượt đạt khoảng 6,4%.* UOB đánh giá tích cực do GDP quý II vượt kỳ vọng và kết quả đàm phán thuế quan thuận lợi, giúp FDI thực hiện dự kiến đạt khoảng 20 tỷ USD.

Cùng thời điểm, *Citigroup công bố nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 từ 6,6% lên 7%.* Bên cạnh đó, *Ngân hàng Maybank cũng đưa ra đánh giá lạc quan khi nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 từ 6,2% lên 7,3%,* dù thừa nhận xuất khẩu và sản xuất có thể chững lại trong nửa cuối năm. Tuy nhiên, dòng vốn FDI được dự báo sẽ tiếp tục đổ mạnh vào Việt Nam.

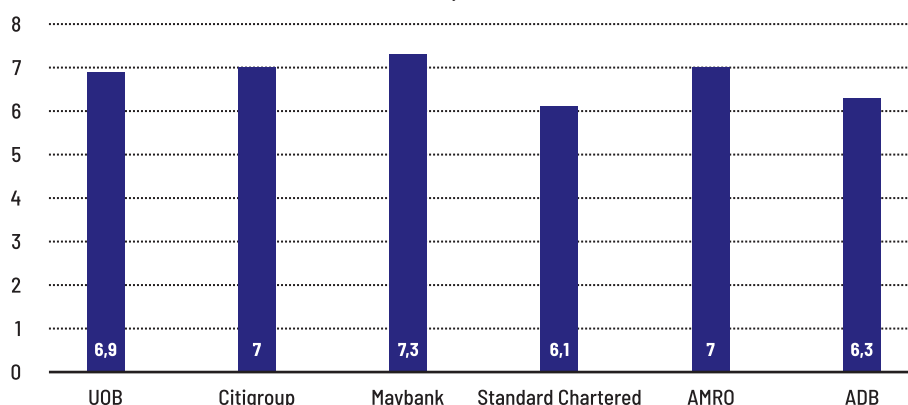
Bên cạnh đó, với quan điểm thận trọng hơn, ngày 22/7, *Ngân hàng Standard Chartered điều chỉnh giảm nhẹ dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2025 từ 6,7% xuống 6,1%,* do triển vọng thương mại ngắn hạn chững lại, dù các yếu tố kinh tế vĩ mô vẫn ổn định.

Trong khi đó, ngày 23/7, *Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm nay từ 6,5% lên 7%,* đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất ASEAN+3 trong năm nay.

Trái ngược với AMRO, cũng trong ngày 23/7, *Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 giảm nhẹ xuống 6,3% (từ mức cao hơn trước đó),* do lo ngại tác động của thỏa thuận thương mại mới với Mỹ về việc tăng thuế nhập khẩu, ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam trong nửa cuối năm 2025 và năm 2026.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN NĂM 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz Monitoring, tháng 7/2025

Đặc biệt, ngày 16/7, tại Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, *Thủ tướng Chính phủ đã đề xuất mục tiêu tăng trưởng cả năm 2025 ở mức 8,3–8,5%*, tạo đà để đạt hai chữ số trong giai đoạn 2026–2030. Theo đó, Bộ Tài chính đã tham mưu xây dựng 2 kịch bản:

Kịch bản 1: Bộ xác định tăng trưởng cả năm 2025 đạt 8%. Cụ thể, nếu tăng trưởng quý III đạt 8,3% so với cùng kỳ, tương đương với kịch bản tại Nghị quyết 154/NQ-CP; quý IV đạt 8,5% (cao hơn kịch bản 0,1%). Quy mô GDP cả năm khoảng trên 508 tỷ USD, GDP bình quân đầu người khoảng trên 5.000 USD. Các động lực tăng trưởng 6 tháng cuối năm, gồm: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong 6 tháng cuối năm khoảng 108 tỷ USD; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành) tăng khoảng 12% trở lên; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2025 tăng 16% trở lên. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5-5%.

Kịch bản 2: (tăng trưởng cả năm 2025 đạt 8,3-8,5%). Bộ ước tính nếu tăng trưởng quý III đạt 8,9-9,2% so với cùng kỳ (cao hơn kịch bản 0,6-0,9%); quý IV đạt 9,1-9,5% (cao hơn kịch bản 0,7-1,1%). Quy mô GDP năm 2025 khoảng trên 510 tỷ USD, GDP bình quân đầu người khoảng trên 5.020 USD. Các động lực tăng trưởng 6 tháng cuối năm, gồm: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng cuối năm khoảng 111 tỷ USD; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành) tăng khoảng 13% trở lên; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 tăng 17% trở lên. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5-5%. Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ quyết tâm thực hiện theo kịch bản 2.

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NĂM 2025

CÁC CHỈ TIÊU	Kịch bản 1	Kịch bản 2
1 Tăng trưởng cả năm	8%	8,3 - 8,5%
GDP quý III	8,3%	8,9 - 9,2%
GDP Quý IV	8,5%	9,1 - 9,5%
Quy mô GDP cả năm	trên 508 tỷ USD	trên 510 tỷ USD
GDP bình quân đầu người	trên 5.000 USD	trên 5.020 USD
Các động lực tăng trưởng		
- Vốn đầu tư toàn xã hội	khoảng 108 tỷ USD	khoảng 111 tỷ USD
Tổng mức bán lẻ hàng hóa	tăng 12% trở lên	tăng 13% trở lên

Nguồn: Bộ Tài chính



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ

Nguồn cung dầu mỏ toàn cầu tiếp tục ghi nhận nhiều biến động trái chiều tại các khu vực cung ứng trọng điểm trong tháng 7.

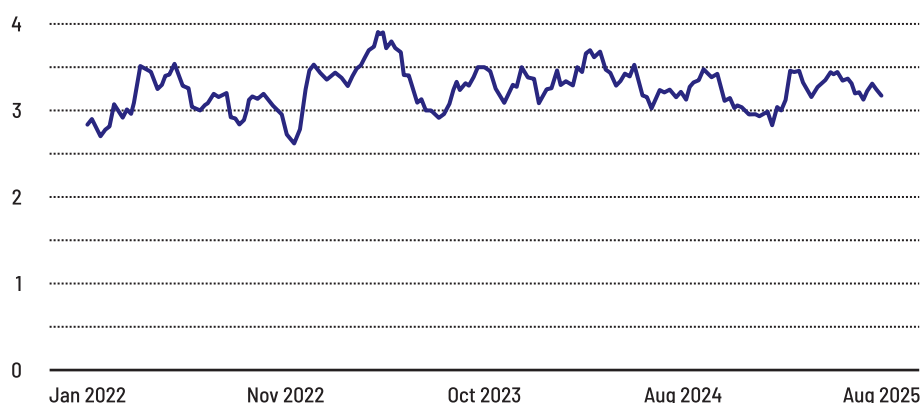
Kazakhstan tuy giảm nhẹ sản lượng trong tháng, nhưng tổng sản lượng vẫn vượt hạn ngạch đã cam kết với Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các nước đồng minh (OPEC+). Bên cạnh đó, hoạt động vận chuyển dầu thô của nước này qua các cảng của Nga ở Biển Đen vẫn diễn ra thuận lợi nhờ sắc lệnh mới từ Tổng thống Vladimir Putin, yêu cầu cơ quan an ninh hỗ trợ cho phép tàu nước ngoài cập cảng.

Trong khi đó, Iran tiếp tục tăng cường xuất khẩu dầu, đạt mức cao nhất trong nhiều năm bất chấp tình hình bất ổn trong nước do các đợt mất điện kéo dài.

Mặt khác, Nga vẫn duy trì nguồn cung dầu ổn định cho thị trường, bất chấp việc Tổng thống Mỹ Donald Trump đe dọa sẽ áp thuế quan thứ cấp lên các quốc gia mua hàng hóa từ Nga.

— KHỐI LƯỢNG DẦU THÔ XUẤT KHẨU QUA ĐƯỜNG BIỂN CỦA NGA GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 —

Đơn vị tính: triệu thùng/ngày



Nguồn: Bloomberg

Trung Quốc cũng ghi nhận xuất khẩu xăng và dầu diesel tăng mạnh, nhờ biên lợi nhuận lọc dầu hấp dẫn và hạn ngạch xuất khẩu nhiên liệu còn hiệu lực.

Ngược lại, Venezuela lại chứng kiến mức xuất khẩu dầu thô và nhiên liệu giảm khoảng 10% so với tháng trước, xuống còn 727.000 thùng/ngày, chủ yếu do sự trì hoãn trong việc gia hạn giấy phép hoạt động cho Chevron và các đối tác.

Iraq cũng ghi nhận sản lượng dầu mỏ sụt giảm nghiêm trọng, giảm khoảng 140.000–150.000 thùng/ngày do loạt vụ tấn công bằng máy bay không người lái kéo dài ba ngày vào các mỏ dầu tại khu vực Kurdistan.

Bên cạnh đó, Ecuador cũng gặp gián đoạn lớn trong hoạt động sản xuất dầu, khi hai đường ống dẫn dầu chủ lực phải tạm dừng do mưa lớn và xói mòn, khiến sản lượng giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua.

▪ *Cầu dầu mỏ*

Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu tiếp tục duy trì ở mức cao trong tháng 7, chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu tiêu thụ năng lượng gia tăng trong mùa hè tại khu vực Bắc bán cầu và hoạt động kinh tế phục hồi mạnh ở các nền kinh tế lớn.

Tại Trung Quốc, các tín hiệu phục hồi trong lĩnh vực giao thông nội địa đã góp phần đẩy mạnh nhu cầu nhập khẩu dầu thô và các sản phẩm lọc dầu.

Trong khi đó, Nhật Bản và Hàn Quốc duy trì nhu cầu dầu ổn định trong mùa hè, chủ yếu phục vụ cho sản xuất điện và giao thông, mặc dù vẫn chịu áp lực từ tỷ giá bất lợi.

Đồng thời, Ấn Độ – quốc gia tiêu thụ dầu lớn thứ ba thế giới – cũng ghi nhận mức tiêu thụ nhiên liệu tăng cao nhờ vào nhu cầu đi lại, vận chuyển và sản xuất công nghiệp trong mùa mưa.

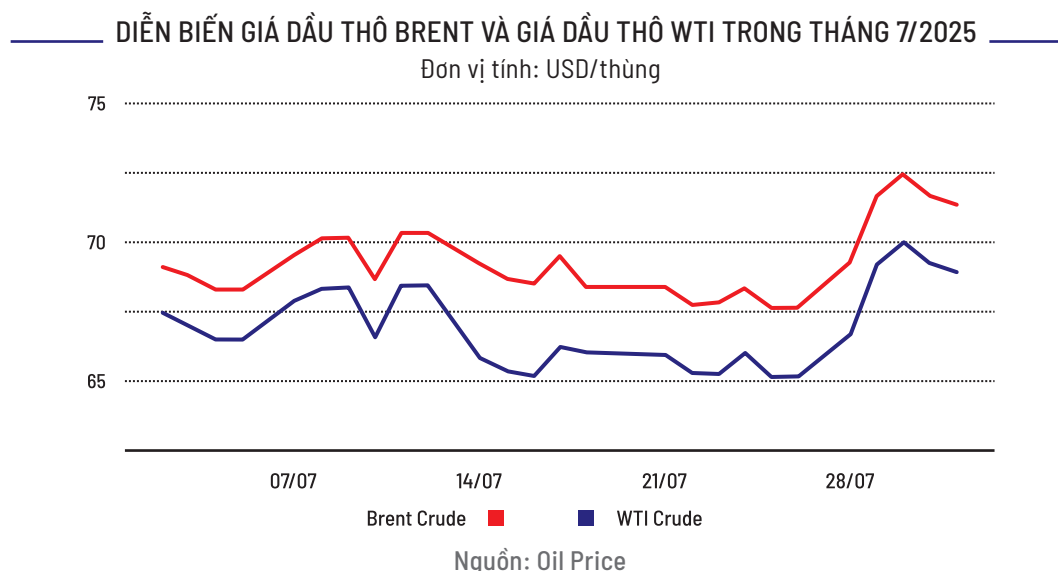
Tại Mỹ, tiêu thụ dầu mỏ tăng mạnh trong mùa du lịch và thời tiết nắng nóng, đặc biệt đối với xăng và nhiên liệu hàng không.

Bên cạnh đó, khu vực châu Âu cũng ghi nhận mức tăng nhẹ về nhu cầu dầu, dù vẫn chịu ảnh hưởng của các chính sách khí hậu nghiêm ngặt và chi phí năng lượng cao.

▪ *Diễn biến giá*

Trong tháng 7/2025, giá dầu thô thế giới có nhiều biến động do chịu ảnh hưởng từ các yếu tố địa chính trị và kinh tế. Trong nửa đầu tháng, giá dầu dao động nhẹ, phần nào chịu tác động từ việc Tổng thống Mỹ Donald Trump đưa ra thời hạn cho Nga chấm dứt xung đột tại Ukraine, làm giảm lo ngại về gián đoạn nguồn cung. Tuy nhiên, bước sang nửa cuối tháng, giá dầu bật tăng mạnh, đặc biệt trong các phiên từ ngày 25 đến 29/7, nhờ thông tin dự trữ dầu thô của Mỹ giảm mạnh, Nga có kế hoạch cắt giảm xuất khẩu xăng, tình hình bất ổn gia tăng tại Kurdistan (Iraq) và thỏa thuận thương mại khung giữa Mỹ và EU được thiết lập.

Đáng chú ý, ngày 31/7, Mỹ công bố chính sách tăng thuế nhập khẩu đối với nhiều quốc gia, làm dấy lên lo ngại về căng thẳng thương mại toàn cầu và nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng. Những yếu tố này đã góp phần duy trì đà tăng của giá dầu, đưa giá Brent vượt mốc 72,5 USD/thùng vào cuối tháng, trong khi giá WTI cũng tiến sát ngưỡng 70 USD/thùng.



1.1.2. Thị trường trong nước

▪ Cung dầu mỏ

Nguồn cung dầu mỏ trong nước tiếp tục được bảo đảm trong tháng qua nhờ sự phối hợp hiệu quả giữa sản xuất trong nước và hoạt động nhập khẩu.

Hai nhà máy lọc dầu lớn là Nghi Sơn và Dung Quất vận hành ổn định, góp phần duy trì nguồn cung xăng dầu thành phẩm ở mức hợp lý.

Đáng chú ý, ngày 14/7/2025, dự án phát triển mỏ Kinh Ngư Trắng – Kinh Ngư Trắng Nam đã chính thức đón dòng dầu đầu tiên, sau khi mở đồng loạt 4 giếng trên giàn WHP-KTN và đưa dòng dầu về xử lý qua hệ thống đường ống ngầm dài hơn 38 km, hoàn thành trước kế hoạch một ngày. Việc đưa mỏ vào khai thác không chỉ giúp tăng sản lượng mà còn đóng góp tích cực vào mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Bên cạnh đó, về hệ thống phân phối, lưu thông xăng dầu, theo Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Bộ Công Thương), đến ngày 23/7/2025, cả nước có 33 thương nhân đầu mối xăng dầu, trong đó 4 đơn vị chỉ kinh doanh nhiên liệu bay, cùng với 258 thương nhân phân phối – con số đã giảm đáng kể so với mức hơn 330 đơn vị trong giai đoạn cao điểm hai năm trước.

■ Cầu dầu mỏ

Trong tháng 7, nhu cầu dầu mỏ trong nước tiếp tục duy trì ở mức cao do ảnh hưởng của mùa cao điểm tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là nhu cầu đi lại và sản xuất tăng mạnh trong mùa hè.

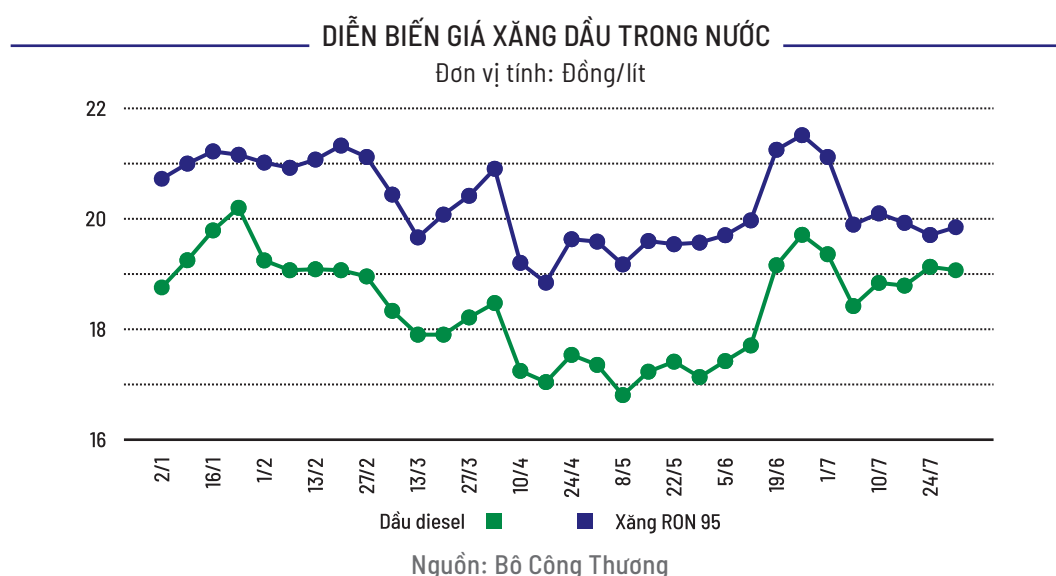
Bên cạnh đó, hoạt động kinh tế phục hồi tích cực ở nhiều lĩnh vực như công nghiệp, vận tải và du lịch cũng góp phần thúc đẩy mức tiêu thụ xăng dầu nội địa.

■ Diễn biến giá

Trong tháng qua, giá xăng dầu trong nước ghi nhận nhiều biến động với xu hướng tăng trở lại sau giai đoạn giảm sâu trong tháng trước. Cụ thể, giá xăng RON 95 có xu hướng phục hồi mạnh từ khoảng giữa tháng, đạt đỉnh vào ngày 11/7 trước khi giảm nhẹ và duy trì ổn định đến cuối tháng, dao động quanh mức trên 20.000 đồng/lít.

Giá dầu diesel cũng ghi nhận đợt tăng mạnh từ đầu tháng đến giữa tháng 7, lên gần mức 20.000 đồng/lít vào ngày 11/7 trước khi hạ nhiệt và ổn định dần ở mức trên 19.000 đồng/lít.

Tính từ đầu năm đến nay, xăng RON 95 đã có 17 lần tăng giá và 15 lần giảm giá. Trong khi đó, dầu diesel có 16 lần điều chỉnh tăng, 15 lần giảm và một lần giữ nguyên giá. Diễn biến này phản ánh rõ sự nhạy cảm của thị trường trong nước trước biến động giá dầu thế giới cũng như các yếu tố chi phí và cung – cầu nội địa.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ

Trong tháng 7, nhiều tổ chức năng lượng quốc tế hàng đầu đã đưa ra nhiều dự báo quan trọng liên quan đến triển vọng nguồn cung dầu mỏ toàn cầu trong bối cảnh những biến động địa chính trị và chính sách mới liên tục xuất hiện.

Ngày 5/7, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và Đồng minh (OPEC+) đã thống nhất tăng sản lượng dầu thô thêm 548.000 thùng/ngày trong tháng 8, lớn hơn dự báo trước đó, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng mùa hè và hoàn tất quá trình đảo ngược cắt giảm bắt đầu từ cuối năm 2023.

Đến ngày 3/8, OPEC+ tiếp tục đồng thuận tăng thêm 547.000 thùng/ngày trong tháng 9, nâng tổng mức tăng sản lượng lên 2,5 triệu thùng/ngày, tương đương khoảng 2,4% nhu cầu toàn cầu. Tuy nhiên, làn sóng tăng sản lượng này được các chuyên gia cảnh báo sẽ dẫn đến nguy cơ dư cung vào cuối năm, tạo áp lực giảm giá lên thị trường dầu thế giới.

Bên cạnh đó, ngày 8/7, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo sản lượng dầu toàn cầu sẽ tăng 1,8 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và thêm 1,1 triệu thùng/ngày vào năm 2026*, chủ yếu nhờ đóng góp từ các quốc gia ngoài OPEC+ như Mỹ, Brazil, Canada và Guyana.

Cùng xu hướng, ngày 11/7, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng nâng dự báo tăng trưởng nguồn cung thêm 300.000 thùng/ngày, đạt tổng mức 2,1 triệu thùng/ngày trong năm 2025*, trong khi nhu cầu toàn cầu chỉ tăng 700.000 thùng/ngày – cho thấy nguy cơ dư thừa nguồn cung rõ rệt.

Thêm vào đó, ngày 15/7, *Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) vẫn giữ nguyên dự báo rằng sản lượng từ các nước ngoài khối OPEC+ sẽ tăng 810.000 thùng/ngày trong năm 2025 và 730.000 thùng/ngày trong năm 2026.*

Tuy nhiên, triển vọng nguồn cung không chỉ phụ thuộc vào sản lượng mà còn bị chi phối bởi các yếu tố địa chính trị. Ngày 18/7, Liên minh châu Âu (EU) chính thức thông qua gói trừng phạt mới nhắm vào dầu Nga, bao gồm việc hạ trần giá xuất khẩu xuống còn 47,6 USD/thùng và mở rộng danh sách trừng phạt hơn 100 tàu chở dầu. Tiếp theo đó, ngày 28/7, EU ra quyết định cấm nhập khẩu dầu diesel và gasoil được chế biến từ dầu Nga tại các nước thứ ba kể từ năm 2026 – một biện pháp có thể ảnh hưởng đến 20% lượng dầu diesel nhập khẩu vào châu Âu.

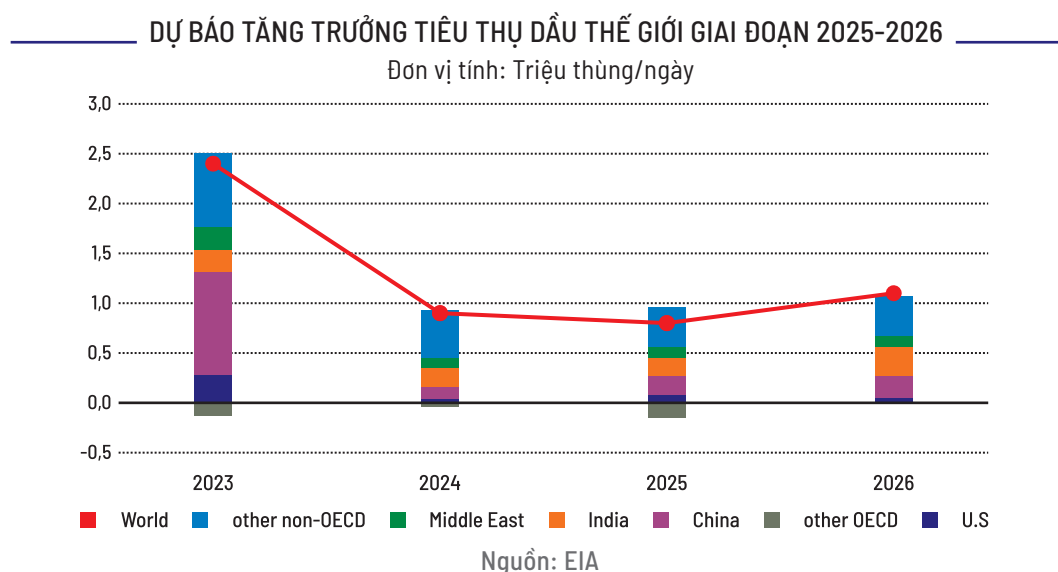
Cùng ngày, Chính phủ Nga cũng thông báo lệnh cấm xuất khẩu xăng dầu đối với các nhà sản xuất lớn đến hết tháng 8/2025, với khả năng gia hạn sang tháng 9/2025, nhằm kiểm soát giá nhiên liệu trong nước đang tăng cao.

Ngoài ra, chính sách thuế quan mới của Mỹ công bố vào ngày 31/7 được áp dụng với nhiều quốc gia, trong đó có Trung Quốc, Ấn Độ, Nga và một số nước Trung Đông – những đối tác lớn trong chuỗi cung ứng dầu mỏ toàn cầu. Việc tăng thuế và siết chặt kiểm soát thương mại có thể làm gia tăng chi phí sản xuất và vận chuyển dầu mỏ. Điều này khiến thị trường dầu thế giới đối mặt với nhiều rủi ro mới về nguồn cung.

■ *Cầu dầu mỏ*

Trong tháng qua, các tổ chức như EIA, IEA và OPEC tiếp tục đưa ra những dự báo mới về nhu cầu dầu mỏ toàn cầu, phản ánh sự phân hóa ngày càng rõ giữa các khu vực và mức độ chuyển đổi năng lượng khác nhau.

Ngày 8/7, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo tiêu thụ dầu toàn cầu dự kiến sẽ tăng lần lượt 0,8 triệu thùng/ngày vào năm 2025 và 1,1 triệu thùng/ngày vào năm 2026*. Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ các quốc gia ngoài OECD, đặc biệt tại châu Á, với Ấn Độ và Trung Quốc đóng góp lần lượt 0,5 và 0,4 triệu thùng/ngày cho đến năm 2026, trong khi tiêu thụ tại các nước OECD giảm nhẹ hoặc đi ngang.



Trái lại, ngày 11/7, *Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2025 xuống còn 700.000 thùng/ngày và năm 2026 còn 720.000 thùng/ngày* – thấp hơn so với các ước tính trước đó. Nguyên nhân được cho là do cung ứng dầu quý II/2025 thấp hơn dự kiến, cùng với xu hướng giảm tiêu thụ tại nhiều quốc gia đang phát triển trong bối cảnh tăng tốc chuyển đổi năng lượng, tiết kiệm nhiên liệu và gia tăng xe điện.

Trong khi đó, ngày 15/7, *OPEC vẫn giữ nguyên mức dự báo cao, với nhu cầu tăng 1,29 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và 1,28 triệu thùng/ngày vào năm 2026* – cao hơn đáng kể so với cả EIA và IEA. *OPEC cho rằng nhu cầu dầu sẽ tiếp tục tăng dài hạn, đạt đỉnh gần 123 triệu thùng/ngày vào năm 2050*, được dẫn dắt bởi đà tăng trưởng tại các nước ngoài OECD và điều kiện kinh tế cải thiện.

Đặc biệt, các chính sách thuế quan mới của Mỹ được công bố vào ngày 31/7 có thể gây tác động gián tiếp đến nhu cầu dầu toàn cầu trong tương lai, đặc biệt nếu làm gia tăng căng thẳng thương mại với các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực ASEAN. Việc chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn hoặc chi phí sản xuất gia tăng có thể khiến hoạt động công nghiệp và vận tải chững lại, từ đó ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ.

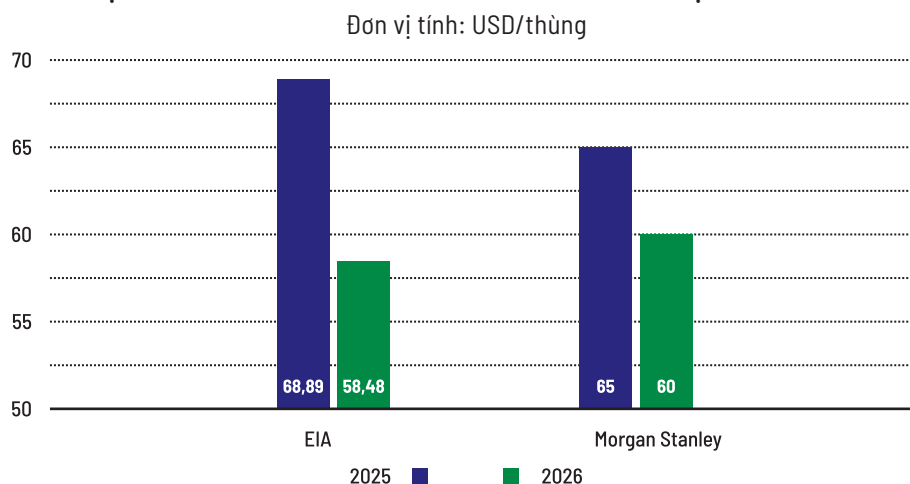
■ *Diễn biến giá*

Các dự báo về giá dầu được đưa ra trong tháng 7 tiếp tục phản ánh sự biến động phức tạp của thị trường năng lượng toàn cầu, khi chịu tác động đan xen từ căng thẳng địa chính trị, chính sách thuế mới và triển vọng kinh tế toàn cầu.

Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã nâng dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 lên mức 68,89 USD/thùng, tăng so với mức 65,97 USD/thùng đưa ra trước đó, do lo ngại rủi ro leo thang từ xung đột hạt nhân liên quan đến Iran. Tuy nhiên, EIA vẫn giữ quan điểm thận trọng khi cho rằng lượng tồn kho dầu toàn cầu sẽ tiếp tục tăng, khiến giá dầu có thể giảm về mức trung bình 58,48 USD/thùng vào năm 2026.

Trong khi đó, Morgan Stanley giữ nguyên dự báo giá dầu Brent ở mức 65 USD/thùng trong năm nay, nhưng cho rằng giá có thể giảm xuống mức 60 USD/thùng vào đầu năm tới, do nguồn cung được đảm bảo và căng thẳng giữa Israel và Iran hạ nhiệt.

DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT TRUNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2025-2026



Nguồn: Vibiz Monitoring, tháng 7/2025

Bên cạnh đó, các mức thuế mới của Mỹ công bố ngày 31/7 nhằm vào một loạt hàng hóa từ các đối tác thương mại lớn đã làm gia tăng lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu, kéo theo triển vọng nhu cầu tiêu thụ năng lượng suy yếu. Cuộc chiến thuế quan này, cùng với rủi ro địa chính trị, đang tạo ra hai lực đối nghịch chi phối thị trường dầu: trong khi căng thẳng địa chính trị khiến giá tăng trong ngắn hạn, thì áp lực từ tăng trưởng toàn cầu yếu và nguồn cung ổn định lại gây xu hướng giảm giá trong trung và dài hạn.

1.2.2. Thị trường trong nước

■ Cung dầu mỏ

Trong thời gian tới, nguồn cung dầu mỏ trong nước được dự báo sẽ có nhiều chuyển biến tích cực nhờ vào các kế hoạch đảm bảo cung ứng, thúc đẩy đầu tư và phát triển nhiên liệu sinh học.

Theo Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Bộ Công Thương), các thương nhân đầu mối đã chủ động lên kế hoạch đảm bảo tổng nguồn cung 6 tháng cuối năm đạt 14,3 triệu m³/tấn, đồng thời duy trì tồn kho ổn định khoảng 1,5 triệu m³/tấn.

Đáng chú ý, đầu tư thượng nguồn trong ngành dầu khí đang chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ, chấm dứt giai đoạn “mùa đông” kéo dài từ năm 2020. Tổng giá trị đầu tư lũy kế tại các dự án trọng điểm như Sư Tử Trắng 2B, Lạc Đà Vàng, Lô B ước tính đạt 10,8 tỷ USD, với ít nhất 3,1 tỷ USD được giải ngân trong giai đoạn 2025–2027, tập trung vào phát triển hạ tầng và khai thác.

TÌNH HÌNH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ LỚN GIAI ĐOẠN 2025–2027 TẠI VIỆT NAM

DỰ ÁN	Trữ lượng	Khu vực	Suất đầu tư (CAPEX)	Nhà đầu tư	Dòng sản phẩm đầu tiên	Cập nhật
Kinh Ngư Trắng - Kinh Ngư Trắng Nam	6,76 triệu m ³ dầu; 2,83 tỷ m ³ khí	Bể Cửu Long, Lô 09-2/09	~650 triệu USD	Vietsovpetro, PVEP, Zarubezhneft	14/7/2025 - dầu thương mại	Có dòng thương mại đầu tiên
Lạc Đà Vàng	~100 triệu thùng dầu tương đương	Bể Cửu Long, Lô 15-1/05	~693 triệu USD	Murphy, PVEP, SK Earthon	04/2026 - dầu thương mại	FID 11/2023 thi công 2024-2026 bởi PVS
Sư Tử Trắng 2B	17,05 tỷ m ³ khí; 74 triệu thùng dầu/condensate	Bể Cửu Long, Lô 15-1	~1,3 tỷ USD	PVN, Perenco, KNOC, SK, Geopetrol	Q3/2026 - khí thương mại	Đã ký PSC và trao thầu xây lắp cho PVS
Block B	95-110 tỷ m ³ khí; 0,32 triệu thùng condensate	Malay - Thổ Chu	~12,8 tỷ USD (toàn bộ chuỗi)	PVN, Mitsui, PTTEP, EVN	Q3/2027 - khí thương mại	Đang đẩy mạnh triển khai đồng bộ chuỗi
Thiên Nga - Hải Âu	~10,03 tỷ m ³ khí	Bể Nam Côn Sơn, Lô 12.11	349 triệu USD	Zarubezhneft, EP, PVEP, PV Gas	04/2026 - khí thương mại	Đã ký GSA và PSC
Nam Du - U Minh	~5,6 tỷ m ³ khí	Bể Nam Côn Sơn	750 triệu USD	PV Gas, PVEP	n/a	Đang đợi quyết định đầu tư cuối cùng
Khánh Mỹ - Đầm Dơi	~4,03 tỷ m ³ khí	Bể Nam Côn Sơn, Lô 46/13	n/a	PV Gas, PVEP	04/2027 - khí thương mại	Ký HD thiết kế tổng thể dự án
Cá Voi Xanh	~150 - 248 tỷ m ³ khí	Bể Sông Hồng, Lô 117-119	~10 tỷ USD (toàn bộ chuỗi)	Exxon Mobil, PVEP, PVN	Dự kiến 2028 - khí thương mại	Đang đàm phán & chốt cơ chế chính sách
Kèn Bầu	200 - 250 tỷ m ³ khí; 400 - 500 triệu bbl condensate	Bể Sông Hồng, Lô 114	n/a	Eni Vietnam, Essar E&P	Dự kiến 2028 - khí thương mại	Đang đàm phán & chốt cơ chế chính sách
Báo Vàng - Báo Đen	~58,3 tỷ m ³ khí	Bể Sông Hồng, Lô 111-113	~1,32 tỷ USD (toàn bộ chuỗi)		Dự kiến 2030 - khí thương mại	Đang đàm phán & chốt cơ chế chính sách

Nguồn: VnEconomy

Song song với đó, nhà nước cũng đang hoàn thiện phương án triển khai sử dụng xăng sinh học E10 trên toàn quốc từ 1/1/2026. Tuy nhiên, nguồn cung ethanol trong nước hiện còn hạn chế khi chỉ có 2/6 nhà máy đang vận hành với tổng công suất khoảng 100.000 m³/năm. Để đáp ứng nhu cầu 1–1,5 triệu m³/năm, giải pháp nhập khẩu ethanol sẽ được triển khai trong giai đoạn đầu, trước khi các nhà máy còn lại được tái khởi động và chuỗi giá trị nông nghiệp – năng lượng được mở rộng.

■ *Cầu dầu mỏ*

Nhu cầu xăng dầu trong nước được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, phản ánh xu hướng phục hồi kinh tế và mở rộng hoạt động sản xuất, vận tải. Tổng lượng xăng dầu tiêu thụ trong 6 tháng cuối năm 2025 ước đạt khoảng 13,2 triệu m³/tấn, cho thấy nhu cầu năng lượng tiếp tục duy trì ở mức cao.

Bên cạnh đó, lộ trình triển khai xăng sinh học E10 từ đầu năm 2026 cũng sẽ tạo thêm nhu cầu đối với ethanol, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch tiêu dùng theo hướng sử dụng nhiên liệu sạch.

Trong trung hạn, khi các lĩnh vực công nghiệp, giao thông, logistics và du lịch gia tăng trở lại, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng đi lên.

■ *Diễn biến giá*

Nhu cầu xăng dầu tăng, kết hợp với quá trình chuyển đổi sang xăng sinh học và đầu tư mở rộng hạ tầng năng lượng, dự kiến sẽ tạo áp lực lên giá bán lẻ. Dự báo giá xăng dầu trong nước có thể tiếp tục biến động theo chiều hướng tăng nhẹ, tuy nhiên vẫn nằm trong tầm kiểm soát nhờ cơ chế điều hành linh hoạt của liên Bộ Công Thương – Tài chính. Mức điều chỉnh giá dự báo sẽ không quá đột biến, song giá xăng dầu nhiều khả năng vẫn duy trì ở ngưỡng cao so với mức hòa vốn của phần lớn các dự án khai thác dầu trong nước.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung khí*

Nguồn cung khí toàn cầu trong tháng 7 ghi nhận nhiều biến động, chủ yếu do tác động từ các yếu tố địa chính trị và gián đoạn kỹ thuật tại một số khu vực trọng yếu.

Tại Trung Đông, căng thẳng gia tăng giữa Iran và phương Tây liên quan đến chương trình hạt nhân, cùng với các vụ tấn công tàu chở dầu gần eo biển Hormuz, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu LNG của Qatar – nhà cung cấp LNG lớn nhất thế giới. Một số chuyến hàng bị trì hoãn hoặc điều hướng, làm giảm tính ổn định trong chuỗi cung ứng khu vực.

Tại châu Âu, nguồn cung khí từ Nga tiếp tục gặp khó khăn do các lệnh trừng phạt kéo dài và sự cố kỹ thuật tại các tuyến ống trung chuyển qua Ukraine, khiến lưu lượng khí sang EU sụt giảm rõ rệt, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ tăng trở lại do thời tiết nóng kéo dài.

Trong khi đó, tại châu Á, nguồn cung khí trong khu vực bị ảnh hưởng nhẹ do sản lượng khai thác tại Australia – nước xuất khẩu LNG lớn thứ hai thế giới – suy giảm tạm thời vì đợt bảo dưỡng lớn tại các nhà máy Gorgon và Wheatstone.

■ *Cầu khí*

Trong tháng 7, nhu cầu khí đốt trên thị trường thế giới tiếp tục cho thấy sự phân hóa mạnh giữa các khu vực, phản ánh ảnh hưởng từ yếu tố giá cả, thời tiết khắc nghiệt, cũng như chiến lược an ninh năng lượng và địa chính trị.

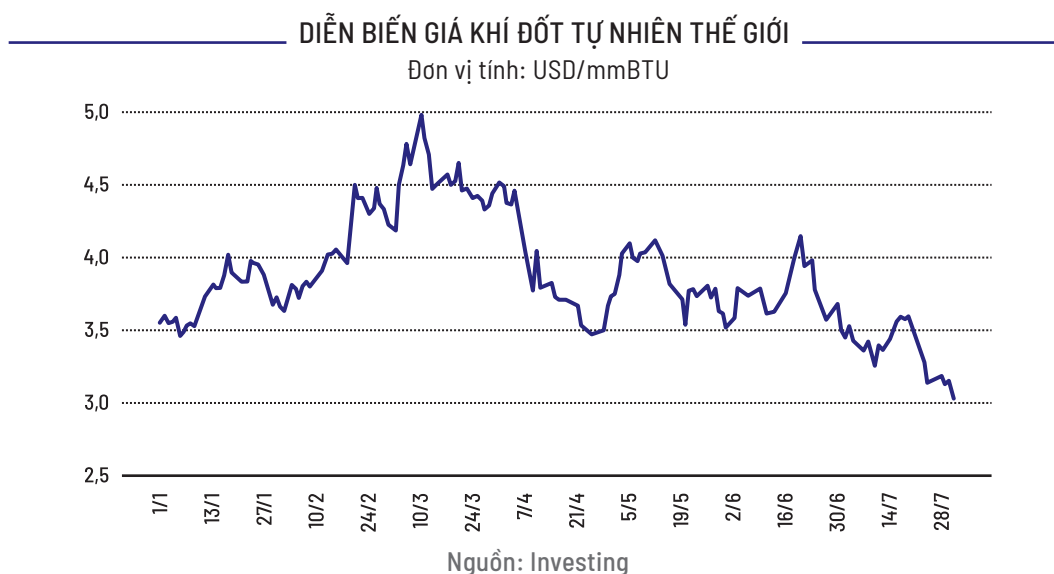
Tại châu Âu, khu vực này đang bước vào cao điểm tái tích trữ khí đốt trước mùa đông. Dù nguồn cung LNG sụt giảm trong tháng, châu Âu vẫn duy trì tốc độ nhập LNG cao kỷ lục. Đặc biệt, để bù đắp thiếu hụt LNG, nhiều quốc gia buộc phải tăng cường nhập khí đốt qua đường ống từ Nga – bất chấp rủi ro chính trị và các lệnh trừng phạt – với khối lượng khí từ Gazprom tăng tới 37% so với tháng trước, chủ yếu qua tuyến TurkStream.

Ngược lại, tại châu Á, nhu cầu nhập LNG nhìn chung vẫn duy trì ở mức thấp, do giá giao ngay tiếp tục duy trì quanh mức 10–12 USD/MMBtu – không còn đủ sức hấp dẫn so với khí nội địa hoặc khí qua đường ống. Dù lượng nhập trong tháng 7 tăng nhẹ lên khoảng 22,07 triệu tấn, nhưng mức trung bình theo ngày vẫn ở mức thấp do các nước như Trung Quốc và Ấn Độ chủ động điều chỉnh khối lượng giao nhận.

Tuy nhiên, tại một số nơi như Đông Bắc Á, thời tiết nắng nóng cực đoan khiến nhu cầu điện tăng mạnh, buộc các nhà máy điện khí vận hành tối đa công suất – kéo theo mức tiêu thụ LNG tăng vọt trong ngắn hạn và khiến lượng xuất khẩu từ khu vực này sang châu Âu bị hạn chế.

■ **Diễn biến giá**

Trong tháng qua, giá khí đốt tự nhiên thế giới tiếp tục xu hướng giảm mạnh, rơi xuống dưới mốc 3.000 USD/mmBTU vào cuối tháng – mức thấp nhất trong vòng gần một năm trở lại đây. Đà suy giảm này chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ yếu tại các thị trường chủ chốt, trong bối cảnh thời tiết mùa hè ôn hòa và tồn kho khí tiếp tục duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, các yếu tố địa chính trị như xung đột Nga–Ukraine hay căng thẳng tại Trung Đông không gây gián đoạn đáng kể đến nguồn cung toàn cầu nhờ hệ thống vận hành LNG linh hoạt và ổn định. Mặt khác, việc Mỹ duy trì lập trường thận trọng trong chính sách xuất khẩu LNG cũng góp phần khiến thị trường trở nên dè dặt hơn, tiếp tục tạo áp lực lên giá.



2.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường gas trong nước trong tháng 7 tiếp tục ghi nhận xu hướng giảm giá tháng thứ hai liên tiếp, phản ánh diễn biến hạ nhiệt của thị trường thế giới.

Giá gas CP bình quân tháng 7 chỉ còn 560 USD/tấn, giảm 25 USD/tấn so với tháng 6, kéo theo việc các doanh nghiệp phân phối trong nước tiếp tục điều chỉnh giảm giá bán lẻ. Theo đó, giá gas tại một số khu vực như miền Đông và Tây Nam Bộ đã giảm thêm khoảng 5.000–7.000 đồng/bình 12 kg so với tháng trước, nâng tổng số lần giảm giá từ đầu năm đến nay lên 4 lần, bên cạnh 3 đợt giữ nguyên giá bán.

Mặc dù giá gas đang ở mức thấp, thị trường trong nước vẫn đối mặt với áp lực kép khi nhu cầu tiêu thụ tiếp tục suy yếu và nguồn cung khí nội địa có xu hướng suy giảm. Việc các mỏ khí chủ lực như Rồng Đồi, Nam Côn Sơn và PM3–CAA bước vào giai đoạn suy thoái tự nhiên đang đặt ra những rủi ro lớn cho nguồn cung trung và dài hạn.

Trong khi đó, tiêu thụ khí dân dụng chưa có dấu hiệu phục hồi do điều kiện thời tiết ôn hòa kéo dài và sự gia tăng sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng như bếp từ, điện mặt trời.

2.2. Dự báo

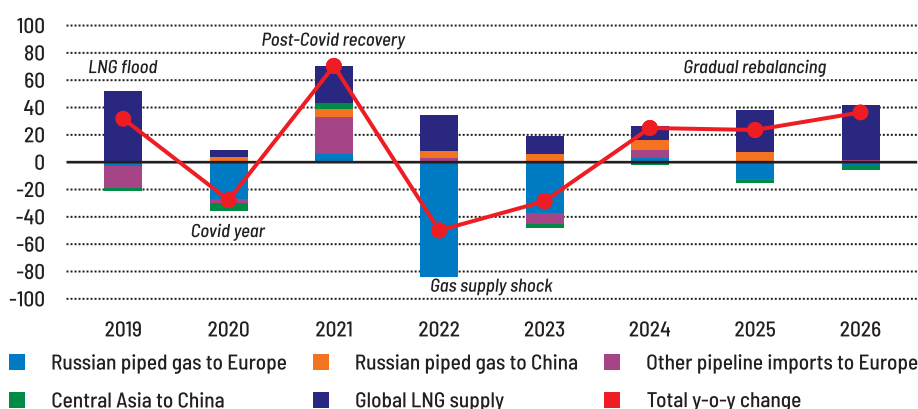
2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung khí

Trong giai đoạn tới, nguồn cung khí toàn cầu, đặc biệt là khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), được dự báo sẽ tăng mạnh nhờ loạt dự án mới đi vào hoạt động.

Ngày 22/7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo sản lượng LNG toàn cầu dự kiến sẽ tăng khoảng 7% trong năm 2026, tương đương khoảng 40 tỷ m³ – mức tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 2019. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc mở rộng công suất tại Mỹ, Canada và Qatar, trong đó Mỹ tiếp tục giữ vai trò là nhà cung cấp LNG lớn nhất thế giới.

THAY ĐỔI HÀNG NĂM VỀ NGUỒN CUNG KHÍ TỰ NHIÊN QUA ĐƯỜNG ỐNG
VÀ LNG TOÀN CẦU GIAI ĐOẠN NĂM 2019 - 2025



Nguồn: IEA

Tuy nhiên, triển vọng nguồn cung khí toàn cầu vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố địa chính trị và chính sách thương mại. Các rủi ro như căng thẳng Nga–Ukraine kéo dài, xung đột tại Trung Đông hay bất ổn tại khu vực châu Phi có thể đe dọa tính liên tục của nguồn cung từ những khu vực này.

Bên cạnh đó, các chính sách thuế quan mới do Mỹ công bố vào ngày 31/7, với mức thuế từ 10% đến 41%, trong đó có các đối tác năng lượng quan trọng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng LNG toàn cầu. Đồng thời, nguy cơ trả đũa thuế từ các quốc gia nhập khẩu LNG và sự bất ổn trong các thỏa thuận thương mại song phương cũng làm gia tăng rủi ro đối với các hợp đồng cung cấp khí dài hạn.

▪ Cầu khí

Ngày 22/7, IEA dự báo nhu cầu khí đốt toàn cầu trong năm 2025 chỉ tăng khoảng 1,3%, giảm mạnh so với mức 2,8% của năm 2024. Sự tăng trưởng chủ yếu đến từ châu Âu và Bắc Mỹ do thời tiết khắc nghiệt làm tăng tiêu thụ khí cho phát điện và sinh hoạt, trong khi nhu cầu tại châu Á suy yếu, đặc biệt ở Trung Quốc và Ấn Độ.

Tuy nhiên, sang năm 2026, IEA dự báo nhu cầu khí đốt toàn cầu dự kiến tăng khoảng 2%, nhờ nguồn cung LNG dồi dào hơn giúp cải thiện cán cân thị trường và thúc đẩy tiêu thụ, đặc biệt ở châu Á.

Theo IEA, lĩnh vực công nghiệp và năng lượng sẽ đóng góp khoảng một nửa mức tăng nhu cầu khí đốt toàn cầu. Riêng lĩnh vực phát điện chiếm khoảng 30%, còn khu vực dân dụng và thương mại dự kiến tăng khoảng 1%, trong điều kiện thời tiết bình thường. Trong đó:

Tại châu Á, nhờ nhu cầu năng lượng tăng, giá khí hạ nhiệt và kinh tế vĩ mô cải thiện, nhu cầu khí đốt dự kiến tăng hơn 4% trong năm 2026 - chiếm khoảng một nửa mức tăng toàn cầu. Vì vậy, nhập khẩu LNG của khu vực này cũng được dự báo sẽ tăng 10% trong năm 2026, sau khi giảm trong năm 2025.

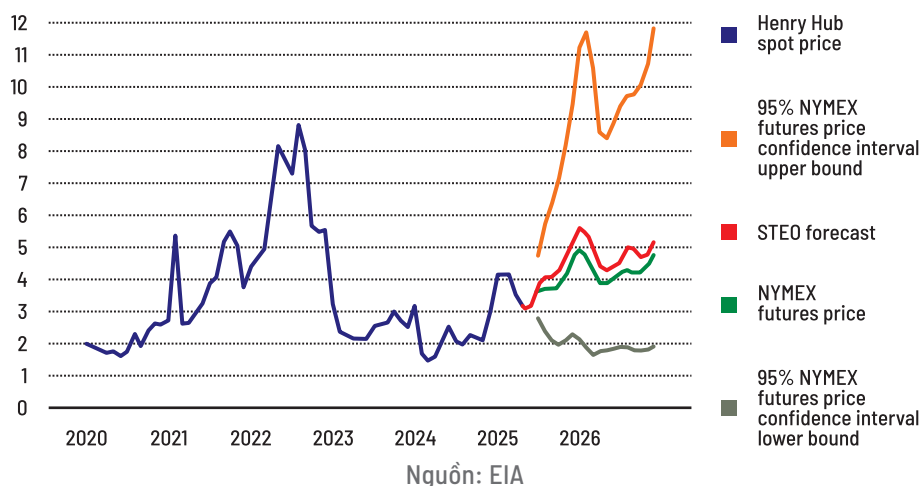
Tại khu vực Á - Âu, nhu cầu khí đốt được dự báo tăng 2%, trong khi châu Phi và Trung Đông tăng khoảng 3,5%. Ở Bắc Mỹ, nhu cầu chỉ tăng dưới 1%, chủ yếu nhờ lĩnh vực phát điện.

Ở Trung và Nam Mỹ, việc sản lượng năng lượng tái tạo tăng mạnh có thể khiến nhu cầu khí đốt giảm nhẹ. Còn tại châu Âu, dự kiến nhu cầu khí đốt sẽ giảm khoảng 2%, do năng lượng tái tạo tiếp tục tăng.

■ Diễn biến giá

Ngày 8/7, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã điều chỉnh giảm dự báo giá khí đốt tự nhiên do kỳ vọng lượng khí được lưu trữ tại Mỹ sẽ tăng mạnh trong các tháng tới. Cụ thể, EIA dự báo giá giao ngay Henry Hub trong quý III/2025 được điều chỉnh giảm xuống còn khoảng 3,4 USD/MMBtu, thấp hơn 16% so với dự báo tháng 6. Tuy nhiên, EIA vẫn kỳ vọng giá sẽ tăng trong thời gian tới, với mức trung bình cả năm 2025 khoảng 3,7 USD/MMBtu và tăng lên 4,4 USD/MMBtu vào năm 2026, chủ yếu do sản lượng có thể giảm nhẹ trong khi xuất khẩu LNG tiếp tục mở rộng.

DỰ BÁO GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN GIAO NGAY HENRY HUB GIAI ĐOẠN 2025-2026



2.2.2. Thị trường trong nước

Trong thời gian tới, thị trường khí Việt Nam sẽ đứng trước nhiều áp lực khi nguồn khí tự nhiên trong nước tiếp tục suy giảm mạnh, đặc biệt tại vùng Đông Nam Bộ – nơi được dự báo có mức sụt giảm sản lượng lên tới 30% mỗi năm.

Trước bối cảnh này, việc gia tăng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) đang trở thành xu hướng tất yếu nhằm đảm bảo cân bằng cung ứng. Việc vận hành Kho cảng LNG Thị Vải đã đánh dấu một bước tiến quan trọng, giúp Việt Nam đi đầu trong khu vực về tiếp cận nguồn khí nhập khẩu. Tuy nhiên, nguồn LNG này vẫn chưa đủ để bù đắp phần thiếu hụt do sản lượng trong nước suy giảm nhanh chóng.

Việc phụ thuộc ngày càng lớn vào nguồn khí LNG từ bên ngoài đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro về giá cả, đặc biệt trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động khó lường.

Trong ngắn hạn, chi phí nhập khẩu LNG được dự đoán sẽ tiếp tục tăng do những bất ổn về nguồn cung toàn cầu và chi phí logistics leo thang, từ đó đẩy chi phí sản xuất điện khí lên cao và tạo thêm sức ép lên hệ thống năng lượng quốc gia.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung phân bón*

Trong tháng 7, nguồn cung phân bón toàn cầu tiếp tục chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố bất lợi. Tình trạng gián đoạn sản xuất do bảo trì định kỳ và giá khí tự nhiên vẫn ở mức cao tại các khu vực sản xuất trọng điểm như Bắc Mỹ và châu Âu khiến nhiều nhà máy vận hành dưới công suất.

Ngoài ra, chính sách kiểm soát xuất khẩu từ các quốc gia có vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng phân bón như Trung Quốc và Nga tiếp tục được duy trì, làm giảm lượng phân bón sẵn có trên thị trường quốc tế.

Thêm vào đó, việc Ấn Độ mở thầu phân ure vào đầu tháng 7 và chấp nhận mức giá cao hơn đáng kể so với những lần trước cũng cho thấy sự khan hiếm trong nguồn cung phân bón trên thị trường.

■ *Cầu phân bón*

Nhu cầu tiêu thụ phân bón trên thị trường thế giới trong tháng qua vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt tại các khu vực bước vào mùa vụ chính như Nam Á, Đông Nam Á và một số nước châu Phi.

Bên cạnh đó, tâm lý tích trữ hàng tồn kho nhằm ứng phó với rủi ro về nguồn cung và biến động giá tiếp tục là động lực khiến các quốc gia và doanh nghiệp tăng cường nhập khẩu khiến nhu cầu phân bón tăng mạnh mẽ.

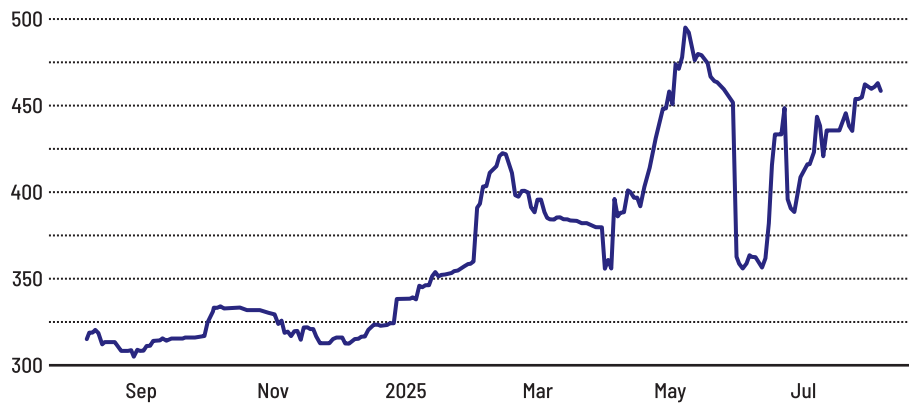
Đồng thời, giá nông sản vẫn ở mức tốt trong nửa đầu năm đã khuyến khích nông dân tăng cường sử dụng các loại phân bón như ure, DAP và NPK nhằm tối ưu hóa năng suất.

■ *Diễn biến giá*

Trong tháng 7, giá phân bón, đặc biệt là ure, ghi nhận xu hướng tăng mạnh trong nửa đầu tháng. Giá ure thế giới đã tăng 8,28% so với tháng trước và vọt lên tới 48,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, sau giai đoạn tăng mạnh đầu tháng, thị trường bắt đầu có dấu hiệu chững lại vào cuối tháng, giao dịch trầm lắng hơn do hoạt động mua vào tạm lắng và tâm lý thận trọng của các nhà nhập khẩu sau đợt tăng giá cao. Ngoài ure, các loại phân bón chuyên dụng khác như NPK và phân hữu cơ vi sinh cũng chịu áp lực tăng giá do chi phí sản xuất cao và nhu cầu ổn định tại các thị trường phát triển.

DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: AgroMonitor

3.1.2. Thị trường trong nước**■ Cung phân bón**

Nguồn cung phân bón trong nước trong tháng 7 ghi nhận xu hướng chuyển dịch khi nhiều nhà sản xuất, đặc biệt là các đơn vị sản xuất ure như Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau, tập trung ký kết các hợp đồng xuất khẩu lớn với thời gian giao hàng vào tháng 7–8, nhằm tận dụng mức giá ure thế giới đang tăng và nguồn cung toàn cầu có dấu hiệu thắt chặt.

Trong khi đó, năng lực sản xuất của các nhà máy ure, DAP và NPK trong nước nhìn chung vẫn duy trì ổn định nhờ vào quá trình nâng cấp công nghệ và bảo trì định kỳ đã được hoàn tất từ các tháng trước.

■ Cầu phân bón

Nhu cầu phân bón trong nước trong tháng qua có dấu hiệu chững lại so với tháng trước do thời tiết tại một số khu vực bước vào giai đoạn nghỉ vụ hoặc tạm lắng trước mùa vụ chính tiếp theo.

Một số khu vực đã hoàn thành gieo trồng vụ Hè Thu, trong khi khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ mới chỉ bắt đầu bước vào mùa mưa nên nhu cầu bổ sung phân bón vẫn còn phân tán.

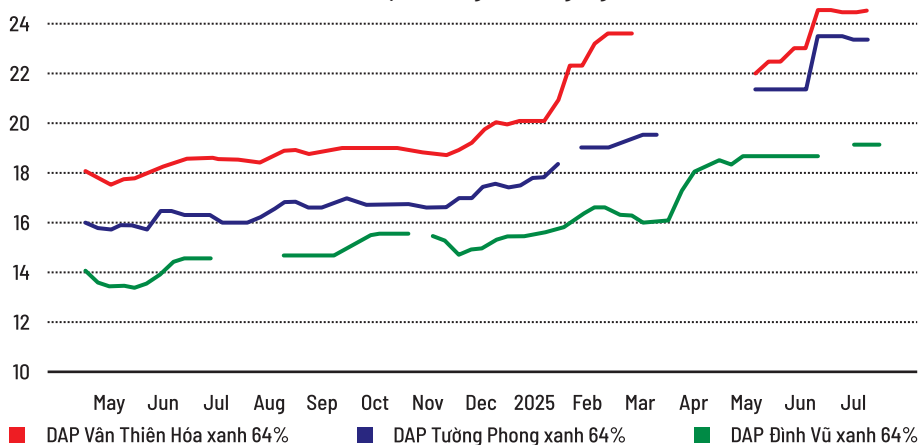
Ngoài ra, việc giá một số chủng loại phân bón tăng hoặc đứng ở mức cao khiến người mua có tâm lý chờ đợi, khiến giao dịch trên thị trường diễn ra chậm.

■ Diễn biến giá

Giá phân bón trong nước trong tháng qua có xu hướng ổn định, thậm chí có một số tín hiệu giảm nhẹ. Chào giá các loại DAP nhập khẩu nhìn chung ít biến động do nhu cầu tiêu thụ trong nước chậm. Một số thương nhân và đại lý đưa ra mức điều chỉnh giảm nhẹ từ 50–100 đồng/kg nhằm kích thích tiêu thụ.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN DAP NHẬP KHẨU TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg

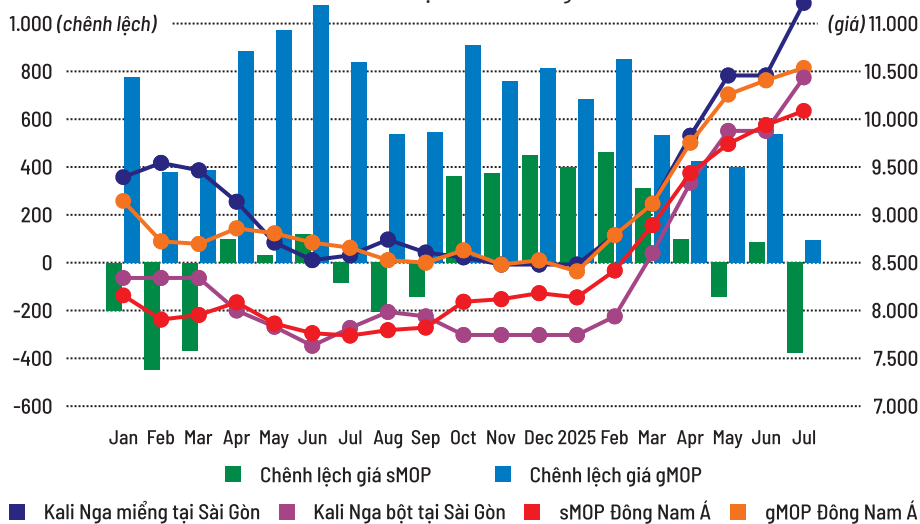


Nguồn: AgroMonitor

Ở chiều ngược lại, giá phân kali tiếp tục duy trì xu hướng tăng và đứng vững, phản ánh đúng diễn biến chung của thị trường các nước trong khu vực Đông Nam Á – nơi giá phân kali đang ở mức cao.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN KALI TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ/kg

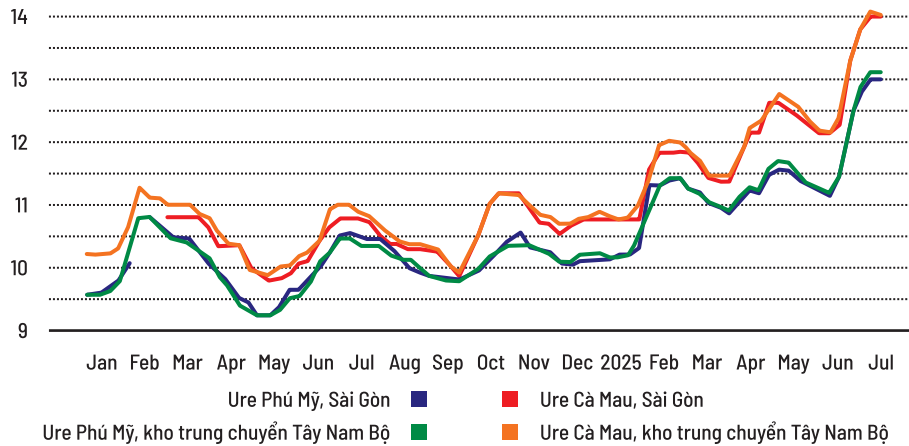


Nguồn: AgroMonitor

Đối với ure, giá phân ure nội địa dù bị ảnh hưởng bởi hoạt động xuất khẩu nhưng chưa ghi nhận biến động mạnh trong tháng, nhờ nguồn hàng lưu kho còn đủ để cân đối cung ứng trước mắt.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: AgroMonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung phân bón

Nguồn cung phân bón toàn cầu dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong nửa cuối năm 2025. Nguyên nhân do từ ngày 1/7/2025, Liên minh châu Âu chính thức áp thuế mới đối với phân bón nhập khẩu từ Nga, mức thuế này sẽ tăng dần trong ba năm tới và gần như dẫn đến lệnh cấm hoàn toàn. Tuy nhiên, các nhà sản xuất Nga đang tích cực chuyển hướng xuất khẩu sang các nước thuộc nhóm BRICS, với kỳ vọng nâng thị phần toàn cầu từ 20% hiện tại lên 25% vào năm 2030.

Đồng thời, nguồn cung từ Trung Đông cũng bị hạn chế khi Ai Cập – một quốc gia xuất khẩu quan trọng – yêu cầu các nhà máy phân bón nitơ trong nước cắt giảm 20% công suất do thiếu hụt khí đốt nghiêm trọng.

▪ Cầu phân bón

Nhu cầu phân bón thế giới trong 6 tháng cuối năm 2025 được dự báo tiếp tục tăng trưởng, đặc biệt tại các quốc gia đang vào vụ canh tác lớn như Ấn Độ, Việt Nam, Indonesia, Brazil và Ethiopia.

Trong bối cảnh sản lượng nông nghiệp được nhiều quốc gia đẩy mạnh để bảo đảm an ninh lương thực và ứng phó với biến đổi khí hậu, lượng tiêu thụ các loại phân bón chủ lực như ure, DAP và NPK sẽ gia tăng đáng kể.

Ngoài ra, các nước châu Phi và Mỹ Latinh cũng ghi nhận sự gia tăng nhu cầu do các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp quy mô lớn.

■ **Diễn biến giá**

Giá phân ure toàn cầu dự báo sẽ tăng mạnh, chủ yếu do chi phí đầu vào sản xuất gia tăng khi giá khí tự nhiên tại châu Âu – đặc biệt là LNG.

Dự báo giá phân ure toàn cầu có thể tăng bình quân khoảng 10% trong năm nay so với 2024, và giữ xu hướng ổn định trong năm 2026.

Bên cạnh đó, dù có lo ngại rằng Trung Quốc có thể gia tăng xuất khẩu phân bón, nhưng tác động này dự kiến sẽ có hạn chế vì giá ure nội địa tại Trung Quốc hiện đã tăng mạnh, thu hẹp mức chênh lệch với giá quốc tế, qua đó giảm sức cạnh tranh của nguồn hàng Trung Quốc trên thị trường toàn cầu.

3.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo trong thời gian tới, thị trường phân bón trong nước sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều biến động do sự giao thoa giữa chính sách thuế giá trị gia tăng mới và biến động địa chính trị toàn cầu.

Việc chính thức áp dụng thuế VAT từ ngày 1/7/2025 dự kiến sẽ tái cấu trúc lợi nhuận trong ngành, mang lại lợi thế rõ rệt cho nhóm doanh nghiệp sản xuất phân ure như Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau, nhờ khả năng tiết giảm chi phí lên tới hàng trăm tỷ đồng mỗi năm.

Tuy nhiên, giá nguyên liệu đầu vào như khí tự nhiên, lưu huỳnh, kali, SA... tiếp tục tăng mạnh do căng thẳng địa chính trị và sự gián đoạn chuỗi cung ứng, đẩy chi phí sản xuất lên cao. Trong khi nhóm ure vẫn có khả năng điều chỉnh giá theo chi phí, thì phân NPK và DAP lại chịu áp lực lớn do giá bán không tăng tương ứng, khiến biên lợi nhuận bị bào mòn.

Đồng thời, cạnh tranh trong ngành phân bón lại càng thêm gay gắt khi phân bón Nga, vốn có giá rẻ và có khả năng chuyển hướng xuất khẩu sang Việt Nam do bị EU áp thuế 40–50%. Điều này đặt áp lực lên các doanh nghiệp nội địa trong việc giữ giá bán, khiến mức tăng giá đầu ra không theo kịp chi phí đầu vào, có thể khiến nhiều doanh nghiệp phân bón trong nước có thể mất thị phần vào tay các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ từ Nga.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện thế giới trong tháng 7 tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các đợt nắng nóng kỷ lục lan rộng trên nhiều khu vực.

Tại châu Âu, nhu cầu sử dụng điều hòa không khí tăng vọt đã đẩy giá điện lên cao, đặc biệt tại Pháp – nơi giá điện giao ngay trong ngày thứ Năm tăng tới 41% lên mức €91.2 (khoảng 106 USD)/MWh, cao nhất kể từ đầu tháng.

Các khu vực như Tây Ban Nha, Pháp và một phần Bắc Âu ghi nhận nhiều ngày liên tiếp nắng nóng cực đoan, gây áp lực lớn lên hệ thống lưới điện.

Tại Trung Đông, cả Israel và Iran đều rơi vào tình trạng thiếu điện nghiêm trọng giữa đợt nắng nóng được đánh giá là tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ.

Ngoài ra, tại Nam Mỹ và Trung Mỹ, nắng nóng kéo dài cũng khiến tiêu thụ điện cho làm mát tăng mạnh.

Tại châu Á, nhiều quốc gia cũng đối mặt với thách thức lớn trong cân đối cung – cầu điện. Trung Quốc chứng kiến mức tiêu thụ điện cao kỷ lục tại nhiều thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải và Trùng Khánh, buộc chính quyền địa phương phải áp dụng các biện pháp điều tiết điện tại một số khu công nghiệp.

Bên cạnh đó, tại Ấn Độ, tình trạng thiếu điện tiếp tục tái diễn tại các bang miền Bắc và miền Đông, trong khi nhu cầu làm mát tại các đô thị đông dân cư như Delhi hay Kolkata tăng mạnh.

Tại Đông Nam Á, một số quốc gia như Thái Lan, Việt Nam và Philippines cũng ghi nhận mức tiêu thụ điện cao bất thường do thời tiết nắng nóng kéo dài, đặt ra áp lực không nhỏ lên các hệ thống phát – truyền tải điện quốc gia.

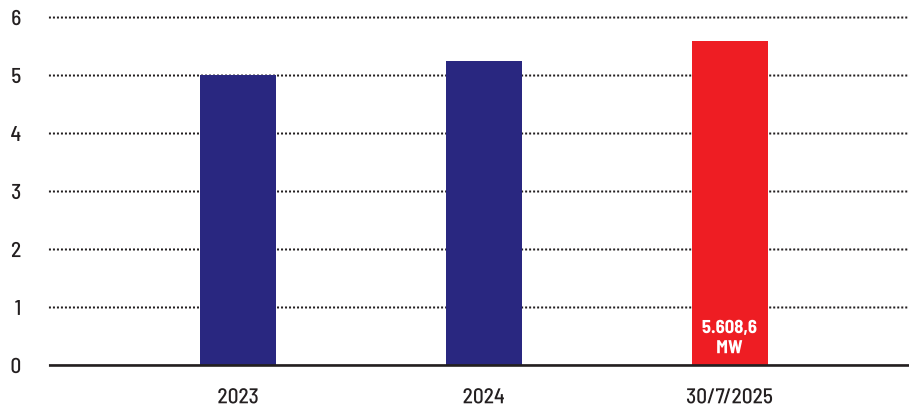
4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 7, thị trường điện trong nước chứng kiến mức tiêu thụ điện tăng đột biến do thời tiết nắng nóng kéo dài trên diện rộng, đặc biệt tại các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Hà Nội xác lập kỷ lục mới về công suất tiêu thụ điện vào lúc 13h42 ngày 30/7, đạt mức 5.608,6 MW – cao nhất trong lịch sử.

Bên cạnh áp lực cung ứng, giá than nhập khẩu và khí trên thị trường quốc tế tăng trở lại trong tháng 7 đã kéo theo chi phí sản xuất điện trong nước tăng mạnh, khiến giá mua điện từ các nguồn khí, than và cả năng lượng tái tạo đồng loạt tăng, tạo sức ép lớn lên cơ cấu giá bán lẻ.

CÔNG SUẤT TIÊU THỤ ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Nghìn MW



Nguồn: EVNHANOI

Trước bối cảnh đó, ngành điện tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ điện mặt trời mái nhà và các dự án điện gió chuyển tiếp, nhằm tăng tỷ trọng năng lượng sạch và ổn định cung ứng.

Đáng chú ý, Bộ Công Thương cũng đã trình Chính phủ lộ trình thí điểm thị trường bán lẻ điện cạnh tranh giai đoạn 2026–2030, cho phép một số doanh nghiệp lớn được lựa chọn nhà cung cấp điện – một bước đi quan trọng nhằm minh bạch hóa giá điện và thúc đẩy cạnh tranh trong ngành.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo thị trường điện thế giới trong thời gian sẽ có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ về nhu cầu tiêu thụ điện, chủ yếu được thúc đẩy bởi sự bùng nổ của các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), trung tâm dữ liệu, phương tiện giao thông điện và hệ thống điều hòa không khí.

Ngoài ra, quá trình điện hóa sâu rộng trong ngành công nghiệp và giao thông vận tải càng làm gia tăng áp lực lên hệ thống điện toàn cầu. Hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là Trung Quốc và Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục dẫn đầu tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện, tạo ra nhu cầu lớn cho các nguồn cung năng lượng mới.

Trong bối cảnh đó, năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời, được kỳ vọng sẽ đóng vai trò then chốt, chiếm gần một nửa tổng mức tăng trưởng điện toàn cầu trong những năm tới.

Riêng tại châu Âu, năm 2025 được dự báo là cột mốc lịch sử về công suất điện mặt trời mới được lắp đặt, cho thấy cam kết mạnh mẽ của khu vực này trong việc giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của năng lượng tái tạo đang tạo ra áp lực lớn lên hạ tầng lưới điện hiện hữu, đòi hỏi đầu tư đáng kể để nâng cấp, mở rộng và số hóa mạng lưới nhằm đáp ứng nhu cầu truyền tải an toàn và ổn định.

4.2.2. Thị trường trong nước

Sản lượng điện thương phẩm cả năm 2025 dự kiến tăng khoảng 13,2% so với năm trước, tương ứng hệ thống phải huy động thêm khoảng 33,6 tỷ kWh. Bên cạnh đó, mặc dù thủy điện – nguồn có chi phí thấp – chỉ còn chiếm khoảng 25% trong cơ cấu sản lượng điện toàn hệ thống, phần lớn tăng trưởng sẽ đến từ các nguồn điện có giá thành cao hơn như nhiệt điện chạy than nhập khẩu, tuabin khí LNG và nhiệt điện dầu.

Trong bối cảnh nguồn khí tự nhiên trong nước suy giảm và không có mỏ mới đi vào khai thác, sản lượng khí cung cấp cho phát điện năm 2025 dự kiến giảm tới 21,5%, chỉ còn khoảng 3,1 tỷ m³.

Đồng thời, giá mua khí đầu vào cho các nhà máy nhiệt điện khí được dự báo tiếp tục ở mức cao, do phải tăng cường sử dụng LNG nhập khẩu và khí từ các mỏ mới có chi phí vận chuyển cao hơn. Điều này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến giá thành sản xuất điện và khả năng điều tiết cung cầu trong những tháng cao điểm.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 7/2025 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa trong toàn bộ chuỗi giá trị từ thăm dò, khai thác, vận chuyển, lọc – hóa dầu, nhằm nâng cao năng suất và giảm chi phí vận hành. Việc tích hợp dữ liệu thời gian thực và hệ thống điều hành thông minh giúp Tập đoàn cải thiện khả năng phản ứng với biến động thị trường năng lượng toàn cầu, đồng thời bảo đảm hiệu quả kinh tế trong trung và dài hạn.
- Đẩy mạnh chiến lược mở rộng hoạt động khai thác dầu khí ra nước ngoài trong bối cảnh trữ lượng nội địa đang có dấu hiệu suy giảm, chủ động triển khai các hình thức hợp tác khai thác chung hoặc mua cổ phần tại các mỏ tiềm năng ở Trung Đông, châu Phi, Đông Nam Á... nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định, nâng cao năng lực khai thác và tăng cường vị thế cạnh tranh trên thị trường.
- Nghiên cứu xây dựng một hệ sinh thái năng lượng tích hợp – kết nối giữa các lĩnh vực như điện gió ngoài khơi, LNG, hydrogen xanh/xám và công nghệ lưu trữ carbon (CCS/CCUS), góp phần giúp Tập đoàn hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và mục tiêu trung hòa carbon. Mô hình đồng bộ này không chỉ mở rộng không gian tăng trưởng mà còn tạo điều kiện để Tập đoàn định vị vai trò chủ lực trong quá trình chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam và khu vực.
- Tăng cường năng lực tài chính cho các dự án năng lượng sạch bằng cách chủ động hợp tác với các định chế tài chính quốc tế và phát hành các loại trái phiếu xanh hoặc ESG. Việc tiếp cận các dòng vốn dài hạn thân thiện với môi trường góp phần giảm áp lực ngân sách, nâng cao uy tín trong cộng đồng đầu tư toàn cầu và hỗ trợ quá trình hiện đại hóa cơ cấu đầu tư của Tập đoàn.

- *Tận dụng các nền tảng số kết hợp với phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo để nâng cao hiệu quả điều hành thị trường, từ tối ưu hóa giá bán, chính sách chiết khấu đến chiến lược phân phối. Đồng thời, cần xúc tiến các chương trình thâm nhập thị trường xuất khẩu mới nhằm đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, mở rộng ảnh hưởng thương hiệu và gia tăng giá trị xuất khẩu.*
- *Thực hiện thống nhất và đồng bộ thông điệp trong toàn bộ các chiến dịch truyền thông của Tập đoàn trên các kênh truyền thông và nền tảng số, nhằm đảm bảo tính nhất quán trong nhận diện và định vị thương hiệu. Bên cạnh đó, việc phát triển các kênh truyền thông nội bộ mạnh và xây dựng mạng lưới đối ngoại đa dạng, linh hoạt giúp Tập đoàn nâng cao giá trị thương hiệu, tạo sự đồng thuận gắn kết cả bên trong lẫn bên ngoài Tập đoàn.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2025

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 7 NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 7 năm 2025	7 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	100,5	108,5	108,6	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	16.500	174.000	67,7	104,7	122,9	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	14.600		101,6	178,3		-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	144.400	-	-	115,1	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	7.300	-	114,2	107,4	-	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.400	-	43,6	62,3	-	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.900	-	70,6	105,4	-	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	76,5	378,3	-	130,1	125,4	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	24,09	-	-	127,3	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	13,6	-	-	108,4	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	576,4	3.993,4	101,1	109,2	109,3	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	42,27	262,44	106,9	116	114,8	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	40	252,26	109,1	117,8	117,9	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,27	Xuất siêu 10,18	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,11	103,19	103,26	102,13
7.2	Chỉ số giá vàng				101,02	149,70	139,09	134,90
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,37	103,39	103,32	103,30
7.4	Lạm phát cơ bản				100,21	103,30	103,18	-

A: Tháng 7/2025 so với tháng 6/2025B: Tháng 7/2025 so với tháng 7/2024

C: Bình quân 7 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳD: Tháng 7/2025 so với tháng 12/2024



Ảnh bìa: Ngày 31/7, Tổng thống Mỹ Donald Trump ký sắc lệnh áp đặt thuế quan mới đối với hàng hóa nhập khẩu từ nhiều quốc gia.

AP



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện